

Điều lệ Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

ĐIỀU LỆ

(Sửa đổi, bổ sung lần thứ 5)

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2018

PMCA

MỤC LỤC

	Trang
I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Định Nghĩa và Giải Thích	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, Hình Thức, Trụ Sở, Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện và Thời Hạn Hoạt Động Của Công Ty	2
Điều 3. Tư Cách Pháp Nhân Của Công Ty	3
Điều 4. Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Công Ty	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 5. Mục Tiêu Hoạt Động Của Công Ty	4
Điều 6. Phạm Vi Kinh Doanh	4
Điều 7. Quyền Hạn và Nghĩa Vụ Của Công Ty	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	
Điều 8. Vốn Điều lệ, Cổ phần	9
Điều 9. Chứng Chi Cổ Phiếu	14
Điều 10. Chứng Chi Chứng Khoán Khác	15
Điều 11. Chuyển Nhượng, Chuyển Giao Cổ Phần	15
Điều 12. Mua Lại Cổ Phần	17
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 13. Cơ Cấu Tổ Chức Quản Lý	19
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 14. Quyền Của Cổ Đông	19
Điều 15. Nghĩa Vụ Của Cổ Đông	21
Điều 16. Đại Hội Đồng Cổ Đông	23
Điều 17. Quyền và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Đồng Cổ Đông	23
Điều 18. Các Đại Diện Được Ủy Quyền	24
Điều 19. Thay Đổi Các Quyền	25
Điều 20. Triệu Tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Chương Trình Họp và Thông Báo Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	25
Điều 21. Các Điều Kiện Tiến Hành Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	28



Điều 22.	Thế Thức Tiến Hành Hợp và Biểu Quyết Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông	29
Điều 23.	Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	31
Điều 24.	Thẩm Quyền và Thế Thức Lấy Ý Kiến Cổ Đông Bằng Văn Bản Để Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông	33
Điều 25.	Biên Bản Hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông	35
Điều 26.	Yêu Cầu Hủy Bỏ Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông	35
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Điều 27.	Thành Phần và Nhiệm Kỳ Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị.....	35
Điều 28.	Quyền Hạn và Trách Nhiệm Của Hội Đồng Quản Trị	39
Điều 29.	Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	41
Điều 30.	Cuộc Hợp Hội Đồng Quản Trị	42
Điều 31.	Điều Kiện Hợp và Việc Biểu Quyết Tại Hội Đồng Quản Trị	44
Điều 32.	Nghị Quyết Bằng Văn Bản Thông Qua Không Cần Hợp Hội Đồng Quản Trị	45
Điều 33.	Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	46
Điều 34.	Các Ủy Ban và Tiểu Ban Của Hội Đồng Quản Trị	46
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY		
Điều 35.	Tổ Chức Bộ Máy Quản Lý	46
Điều 36.	Cán Bộ Quản Lý Của Công Ty	47
Điều 37.	Bổ Nhiệm, Miễn Nhiệm, Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Tổng Giám Đốc ...	47
Điều 38.	(Các) Phó Tổng Giám Đốc	49
Điều 39.	Kế Toán Trưởng	49
Điều 40.	Thư Ký Công Ty.....	50
Điều 41.	Không Kiêm Nhiệm.....	51
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ		
Điều 42.	Trách Nhiệm Căn Trọng Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Các Cán Bộ Quản Lý	51
Điều 43.	Tránh Các Xung Đột Quyền Lợi	52
Điều 44.	Hiệu Lực Của Một Số Hợp Đồng.....	53
Điều 45.	Nghĩa Vụ Của Các Cá Nhân Chủ Chốt	54
Điều 46.	Trách Nhiệm Về Thiệt Hại và Bồi Thường.....	54
Điều 47.	Miễn Trừ Trách Nhiệm Cá Nhân	54

X.	BAN KIỂM SOÁT	
Điều 48.	Kiểm Soát Viên	55
Điều 49.	Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Ban Kiểm Soát	56
XI.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 50.	Quyền Điều Tra Sổ Sách và Hồ Sơ	58
XII.	NGƯỜI LAO ĐỘNG	
Điều 51.	Người Lao Động.....	59
XIII.	PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	
Điều 52.	Cổ Tức	59
XIV.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
Điều 53.	Tài Khoản Ngân Hàng.....	61
Điều 54.	Trích Lập các Quỹ	61
Điều 55.	Năm Tài Chính	62
Điều 56.	Chế Độ Kế Toán.....	62
XV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	
Điều 57.	Tài Khoản và Chứng Từ.....	62
Điều 58.	Công Bố Thông Tin và Thông Báo Ra Công Chúng	63
XVI.	KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 59.	Kiểm Toán Công Ty.....	63
XVII.	CON DẤU	
XVIII.	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ	
Điều 60.	Chấm Dứt Hoạt Động.....	64
Điều 61.	Trường Hợp Bất Đồng Giữa Các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông	64
Điều 62.	Thay đổi Thời hạn Hoạt Động.....	64
Điều 63.	Giải Thể	64
XIX.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 64.	Giải Quyết Tranh Chấp Nội Bộ.....	65
XX.	BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 65.	Bổ Sung và Sửa Đổi Điều Lệ	65

232536
NG T
PHÂN
G KHÔ
ETJE
14 - 16

XXI. QUY ĐỊNH BẢO MẬT

Điều 66. Định Nghĩa Thông Tin Mật.....	66
Điều 67. Tiết Lộ Thông Tin Mật.....	66

XXII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 68. Pháp Luật Ban Hành Sau.....	67
Điều 69. Các Điều Khoản Không Hợp Pháp, Không Hiệu Lực, Không Có Khả Năng Thực Thi.....	67
Điều 70. Văn Bản Chấp Thuận của Cơ Quan Nhà Nước.....	67
Điều 71. Tính Tích Lũy và Không Loại Trừ của Các Quyền	67
Điều 72. Thông Báo	68

XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 73. Ngày Hiệu Lực	68
Phụ Lục I Định Nghĩa	70

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----****-----

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 (“**Luật Doanh nghiệp 2014**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 (“**Luật Chứng khoán**”); và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Hàng không Dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không Dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2014 (“**Luật Hàng không**”) và các văn bản hướng dẫn thi hành; và
- Căn cứ vào nhu cầu hoạt động và quản trị của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet.

Bản Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng không VietJet thông qua theo Nghị quyết số 01-18/VJC-ĐHCĐ-NQ ngày 09/01/2018.

I. ĐỊNH NGHĨA VÀ CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định Nghĩa và Giải Thích

1.1 Định nghĩa

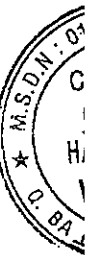
Các thuật ngữ được viết hoa dùng trong Điều lệ này được định nghĩa tại Phụ lục I trừ khi ngữ cảnh của một quy định cụ thể trong Điều lệ yêu cầu phải hiểu khác.

1.2 Giải thích

(a) Tất cả các Phụ lục của Điều lệ này là một phần của Điều lệ và sẽ có cùng hiệu lực thi hành như thể được quy định tại phần nội dung của Điều lệ.

(b) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác đi, khi được viện dẫn đến trong Điều lệ này:

Các Điều hoặc Phụ lục được hiểu là các điều khoản hoặc phụ lục của Điều lệ này; và



Các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản của các văn bản pháp luật sẽ hiệu là viện dẫn đến các văn bản pháp luật hoặc các điều khoản đó cho dù các văn bản hoặc điều khoản này có thể được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế vào từng thời điểm (dù là trước hoặc sau ngày Điều lệ này có hiệu lực) và được dẫn chiếu đến các quy định hoặc các điều khoản hướng dẫn thực hiện khác của các văn bản kể trên.

- (c) Các tiêu đề chỉ được dùng để trình bày nhằm tạo thuận lợi cho việc dẫn chiếu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, Hình Thức, Trụ Sở, Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện và Thời Hạn Hoạt Động Của Công Ty

2.1 Tên tiếng Việt của Công ty là:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

2.2 Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là:

VIETJET AVIATION JOINT STOCK COMPANY

2.3 Tên viết tắt của Công ty là: **VIETJET., JSC**

2.4 Địa chỉ trụ sở đăng ký: 302/3 phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (84-4) 3728 1828

Fax: (84-4) 3728 1838

Email: info@vietjetair.com

Website: www.vietjetair.com

2.5 Hội đồng Quản trị của Công ty có quyền chuyển trụ sở chính hoặc mở/đóng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện và/hoặc các địa điểm kinh doanh, giao dịch khác của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam hoặc nơi khác theo quy định của Pháp luật.

(a) Thông tin về văn phòng đại diện:

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà C.T Plaza, Số 60A Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- (b) Thông tin về địa điểm kinh doanh:

PHÒNG VÉ HÀ NỘI – CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET

Địa chỉ: Tầng 2, Toà nhà HDBank, Số 32 phố Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- (c) Thông tin về chi nhánh:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET - CHI NHÁNH TẠI MIỀN TRUNG

Địa chỉ: 157-159 Hàm Nghi, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- 2.6 Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 60 hoặc thay đổi thời hạn hoạt động theo quy định tại Điều 62 của Điều lệ này và quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Tư Cách Pháp Nhân Của Công Ty

- 3.1 Công ty được thành lập là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn, tồn tại, hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

- 3.2 Trách nhiệm hữu hạn:

- (a) Công ty sẽ chỉ có trách nhiệm trong phạm vi Vốn Điều lệ của Công ty. Trừ khi được quy định khác căn cứ theo văn bản chấp thuận được các Cổ đông ký, các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với bất kỳ Cổ đông nào. Không một Người thứ ba nào, kể cả Cơ quan Nhà nước, có thể yêu cầu các Cổ đông phải thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- (b) Trong trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ cho Công ty số Cổ phần mà người này đã quyết định mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải thay mặt Công ty cấp thêm vốn dưới hình thức thanh toán mua Cổ phần, cho vay, tạm ứng, bảo lãnh hoặc các hình thức khác.
- (c) Công ty, với tư cách là một pháp nhân độc lập, sẽ không có bất kỳ nghĩa vụ nào đối với các khoản nợ hay bất kỳ trách nhiệm nào khác của bất kỳ Cổ đông nào.

Điều 4. Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Công Ty

Công ty có 01 (một) Người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tuỳ theo yêu cầu từ thực tiễn hoạt động trong từng thời kỳ, Công ty có thể có thêm số lượng Người đại diện theo pháp luật. Số lượng cụ thể Người đại diện theo pháp luật sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm và giao quyền, nghĩa vụ, trách

nhiệm cụ thể cho từng Người đại diện theo pháp luật. Trường hợp Công ty có hơn một Người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đương nhiên là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền, nghĩa vụ cụ thể của Người đại diện theo pháp luật được quy định theo Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục Tiêu Hoạt Động Của Công Ty

Công ty được thành lập với mục tiêu phát triển thành một hãng Hàng không tư nhân tiên tiến, hiện đại, với đội ngũ bay chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, đáp ứng nhu cầu của các khách hàng trong nước và quốc tế; tiên hành các hoạt động kinh doanh bổ trợ khác theo quy định của pháp luật nhằm thu lợi nhuận cho các Cổ đông, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động trong Công ty, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế xã hội và sự tiến bộ của cộng đồng.

Điều 6. Phạm Vi Kinh Doanh

6.1 Ngành nghề kinh doanh

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- (a) Vận tải hành khách hàng không: Vận tải hàng không; Vận tải hàng không hành khách (theo lịch trình và không theo lịch trình) nội địa và quốc tế;
- (b) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, ô tô;
- (c) Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);
- (d) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng;
- (e) Vận tải hành khách đường bộ khác: Dịch vụ vận tải bằng đường bộ;
- (f) Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê xe ô tô, Cho thuê xe có động cơ khác;
- (g) Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch: Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- (h) Điều hành tua du lịch;
- (i) Đại lý du lịch;

- (j) Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở), Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh;
- (k) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng và khai thác các cơ sở vật chất cho việc bảo dưỡng máy bay; Xây dựng và khai thác các trung tâm điều hành bay; Xây dựng và khai thác cơ sở vật chất cho nhà ga sân bay;
- (l) Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Huấn luyện thực hành cho người lái, nhân viên kỹ thuật và các nhân viên chuyên ngành khác;
- (m) Vận tải hàng hóa hàng không: Vận tải hàng hóa công cộng thường xuyên nội địa và quốc tế;
- (n) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không bao gồm: Dịch vụ mặt đất (dịch vụ hành khách, dịch vụ bảo trì, làm sạch và cung cấp các dịch vụ khác cho máy bay đỗ tại nhà ga sân bay, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ cung cấp ăn uống); Bảo dưỡng máy bay định kỳ và bảo dưỡng không thường xuyên; Dịch vụ cung cấp phụ tùng máy bay; Dịch vụ tiếp nhiên liệu máy bay;
- (o) Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu gồm: Khai thác máy bay có sức chứa lớn, máy bay hàng không chung (máy bay bình thường và máy bay trực thăng) trên đất và trên mặt nước; Khai thác máy bay thuê; (chỉ khi được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- (p) Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh bán hàng miễn thuế;
- (q) Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý máy móc, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền, máy bay;
- (r) Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm: Hoạt động của đại lý bảo hiểm;
- (s) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê thiết bị vận tải hàng không không kèm người điều khiển (máy bay);
- (t) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán máy bay;
- (u) Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- (v) Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống khác phục vụ lưu động: Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- (w) Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- (x) Dịch vụ phục vụ đồ uống; và
- (y) Những ngành nghề khác theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty theo từng thời kỳ và phù hợp với quy định của Pháp luật.

- 6.2 Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ Pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các Cổ đông.

Điều 7. Quyền Hạn và Nghĩa Vụ của Công Ty

7.1 Quyền hạn của Công ty

Công ty có quyền được hưởng các ưu đãi tối đa mà Pháp luật hoặc các Cơ quan Nhà nước cho phép liên quan đến mọi lĩnh vực của hoạt động sản xuất và kinh doanh như thuế, phí và lệ phí, tiền và/hoặc tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, việc xây dựng và sử dụng cơ sở hạ tầng v.v... Công ty được tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện hoặc Pháp luật không cấm, bao gồm những hoạt động sau:

- (a) Tổ chức bộ máy kinh doanh phù hợp với mục tiêu, ngành nghề, nhiệm vụ của Công ty;
- (b) Tự do tìm kiếm thị trường, các đối tác kinh doanh trong hay ngoài nước; tự do giao kết hợp đồng và/hoặc thực hiện giao dịch hay các hoạt động kinh doanh khác với các đối tác trong hoặc ngoài nước với điều kiện không vi phạm điều cấm của Pháp luật hay Điều lệ này;
- (c) Đổi mới công nghệ, trang thiết bị và sử dụng phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- (d) Đặt Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và Phòng giao dịch của Công ty ở trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật; tìm kiếm thị trường, trực tiếp hoặc thông qua người đại diện, đại lý hoặc nhà thầu giao dịch và ký kết hợp đồng, thoả thuận hoặc các cam kết với các đối tác ở trong và ngoài nước;
- (e) Quyết định giá mua, bán cổ phiếu và các giấy tờ có giá các loại và các tài sản khác của Công ty;
- (f) Thuê, trả lương, kỷ luật, thưởng và sa thải các cán bộ quản lý, nhân viên và công nhân;
- (g) Thuê, chỉ định, ký kết hoặc ủy quyền cho bất kỳ đại lý hoặc nhà thầu nào nếu thấy cần thiết cho công việc kinh doanh của mình;
- (h) Mua, thuê hoặc sở hữu hợp pháp bất động sản, thiết bị và tất cả các loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất;
- (i) Bán, cho thuê hoặc chuyển nhượng bất động sản, thiết bị và tất cả các loại tài sản khác bao gồm nhà cửa và quyền sử dụng đất khi cần thiết; mua, thuê, cho thuê, bán, chuyển nhượng và/hoặc sửa chữa máy bay, trong và ngoài nước theo yêu cầu hoặc hoạt động của Công ty, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào; tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoạt động của Công ty;

- (j) Thuê hoặc sử dụng tất cả các loại dịch vụ cần thiết, bao gồm thuê luật sư, kiểm toán viên, tư vấn, chuyên gia, kiến trúc sư, kỹ sư, đại lý và nhà thầu để hỗ trợ cho hoạt động Công ty;
- (k) Khi có đủ điều kiện, Công ty có quyền phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác trên thị trường chứng khoán theo quy định pháp luật về chứng khoán; tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ và sử dụng các nghiệp vụ tài chính khác khi hoạt động kinh doanh đòi hỏi; tham gia đầu tư vào chứng khoán, các công cụ tài chính và các hoạt động đầu tư sinh lời khác trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này;
- (l) Duy trì các quan hệ tài chính với tất cả các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, bao gồm việc vay vốn hoặc tham gia các giao dịch tài chính với bất kỳ tổ chức, định chế hay cá nhân nào, bằng bất kỳ loại tiền tệ gì, tại Việt Nam hoặc nước ngoài; sử dụng các phương thức phân bổ vốn hợp pháp để thực hiện việc kinh doanh; tham gia vào các giao dịch và hoạt động ngoại hối;
- (m) Vay hoặc cho vay, bảo lãnh, bồi hoàn thế chấp, cầm cố và tạo lập các biện pháp bảo đảm khác trên bất kỳ tài sản nào cũng như quyền nhận thanh toán, các lợi ích và quyền tài sản khác của mình để đảm bảo cho các khoản vay hoặc các cam kết khác có liên quan đến nghĩa vụ của mình hoặc của Người thứ ba;
- (n) Tiến hành các vụ kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong các vụ kiện;
- (o) Thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản, nợ và các khoản thu từ việc thanh lý các tài sản của Công ty; lập và sử dụng các quỹ theo Điều lệ này và theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
- (p) Tái đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích của Công ty;
- (q) Mua bảo hiểm cho Công ty nói chung và cho các tài sản của Công ty nói riêng; mua các loại bảo hiểm xã hội và/hoặc y tế cho nhân viên của Công ty nếu Pháp luật yêu cầu; trong một số trường hợp, phụ thuộc vào chính sách nhân sự và các hợp đồng lao động có liên quan, Công ty có thể mua các loại bảo hiểm khác cho nhân viên và/hoặc các Cán bộ Quản lý; Công ty có thể chuyển nhượng dưới bất kỳ hình thức nào các đơn bảo hiểm và/hoặc các khoản có thể thu được từ các loại bảo hiểm cho các mục đích hợp pháp, bao gồm việc bảo đảm cho các khoản vay của Công ty;
- (r) Đăng ký và thi hành các quyền sở hữu trí tuệ và/hoặc nhận chuyển giao hay chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ, các công nghệ mới, bí quyết sản xuất từ các bên chuyển nhượng hay chuyển giao tại nước ngoài hoặc Việt Nam tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;
- (s) Quảng cáo và khuyến mãi các sản phẩm và dịch vụ của Công ty;
- (t) Yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hoá, dịch vụ bằng tiền USD, các ngoại tệ khác hoặc bằng tiền VND mà Hội đồng Quản trị có thể quyết định theo quy định của Pháp luật;

- (u) Thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi Đại hội đồng Cổ đông thấy cần thiết, với điều kiện phải có sự chấp thuận của Cơ quan Nhà nước nếu Pháp luật yêu cầu;
- (v) Thành lập công ty liên doanh với các tổ chức và cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài và đầu tư vốn vào các công ty Việt Nam hoặc nước ngoài khác phù hợp với Pháp luật Việt Nam và/hoặc Pháp luật nước sở tại;
- (w) Thực hiện hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu cần thiết cho Công ty hoặc phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với Pháp luật;
- (x) Chủ động tiến hành và quản lý hoạt động kinh doanh và áp dụng bất kỳ phương thức quản lý cần thiết nào để thực hiện các hoạt động này;
- (y) Tiến hành tất cả các hoạt động hợp pháp khác và thực thi tất cả các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản và văn kiện pháp lý khác nếu xét thấy cần thiết cho mục tiêu hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (z) Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các công ty con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty.

7.2 Nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các nghĩa vụ sau:

- (a) Chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả sản xuất kinh doanh;
- (b) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với các chức năng, nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu của thị trường;
- (c) Tìm kiếm các cơ hội kinh doanh phù hợp với mục tiêu và phạm vi hoạt động của Công ty;
- (d) Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động;
- (e) Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề liên quan khác định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Nhà nước, của Đại hội đồng Cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo này;
- (f) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo đúng Pháp luật;
- (g) Không ngừng đổi mới công nghệ sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất; tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất được giao, bố trí dây chuyền sản xuất hợp lý nhằm tạo thuận lợi cao, thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh;

- (h) Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, di tích lịch sử văn hoá, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, công tác phòng cháy chữa cháy;
- (i) Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán, kế toán thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do Pháp luật khác quy định, chịu trách nhiệm về tính xác thực của báo cáo tài chính của Công ty;
- (j) Sử dụng có hiệu quả số tài sản của Công ty trên cơ sở bảo toàn và phát triển vốn;
- (k) Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm chuyển đổi (kể cả các chi phí hợp lý của Công ty trước khi thành lập, được Hội đồng Quản trị chấp thuận);
- (l) Công bố công khai cho các Cổ đông báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty; và
- (m) Thực hiện các nghĩa vụ về nộp thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 8. Vốn Điều lệ, Cổ phần

8.1 Vốn Điều Lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là số vốn được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty. Tổng số Cổ phần của Công ty bằng với Vốn Điều lệ của Công ty chia cho mệnh giá của Cổ phần.

8.2 Ngoài Vốn Điều lệ quy định tại Điều 8.1, Công ty có thể huy động vốn thông qua các hình thức:

- (a) Phát hành Cổ phiếu mới (ở trong và ngoài nước) theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật có liên quan;
- (b) Vay vốn dưới các hình thức khác nhau từ các định chế tài chính hoặc các tổ chức và cá nhân khác trong và ngoài nước;
- (c) Vay vốn của các Cổ đông dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc các hình thức vay khác;
- (d) Phát hành trái phiếu Công ty hoặc các công cụ tài chính khác trên thị trường chứng khoán tập trung hoặc không tập trung ở trong và ngoài nước phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định Pháp luật khác có liên quan;

- (e) Vay tín dụng thương mại thông qua mua hàng trả chậm và các hình thức tín dụng thương mại khác; hoặc
- (f) Huy động vốn từ các nguồn khác phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Để phục vụ mục đích vay vốn, Công ty có quyền thế chấp, cầm cố và tạo lập các biện pháp bảo đảm phù hợp với Pháp luật. Nếu bên cho vay là pháp nhân nước ngoài có yêu cầu, việc vay có thể được điều chỉnh bằng Pháp luật nước ngoài nếu việc áp dụng luật nước ngoài không bị Pháp luật Việt Nam cấm.

8.3 Sử dụng Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ và/hoặc phần vốn thặng dư do phát hành Cổ phần ra bên ngoài sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh và các mục đích khác của Công ty nếu được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt; hoặc trong một số trường hợp thích hợp, được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt theo Điều lệ này hoặc quy định của Pháp luật.

8.4 Tăng Vốn Điều lệ

- (a) Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị để Đại hội đồng Cổ đông xem xét và ra quyết định phát hành thêm Cổ phần cho Cổ đông hiện hữu, phát hành ra công chúng hoặc phát hành riêng lẻ, với điều kiện là giá của mỗi Cổ phần mới này, sau khi đã tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá trị thị trường của mỗi Cổ phần ngay trước ngày bán Cổ phần hoặc giá trị của Cổ phần được ghi trong sổ sách tại thời điểm gần nhất, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - i. Cổ phần chào bán lần đầu sau khi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ Cổ phần của họ ở Công ty vào thời điểm phát hành được xác định theo Sổ đăng ký Cổ đông;
 - iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phiếu không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới, bảo lãnh. Tỷ lệ hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị Cổ phần tại thời điểm chào bán;
 - iv. Cổ phần ưu đãi dành cho cán bộ, nhân viên của Công ty; hoặc
 - v. Những trường hợp khác nếu được sự đồng ý của Đại hội đồng Cổ đông.
- (b) Việc Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành cổ phiếu khi đang niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ phải đáp ứng và tuân thủ các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- (c) Liên quan tới việc phát hành cổ phiếu thì Công ty, tất cả các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý và tất cả các nhân viên của Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cung cấp thông tin, hoạt động lành mạnh và minh bạch, cũng như bất kỳ yêu cầu nào khác của Pháp luật chứng khoán. Nghiêm cấm mọi hành vi bán không, mua bán nội gián, thông tin sai sự thật, và lũng đoạn thị



trường cũng như các hoạt động bất hợp pháp khác liên quan đến giao dịch chứng khoán.

- (d) Việc phát hành thêm Cổ phiếu phải tuân thủ theo quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác.

8.5 Giảm Vốn Điều lệ

Việc giảm Vốn Điều lệ phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông nhưng phải đảm bảo mức Vốn Điều lệ không thấp hơn mức Vốn Pháp định theo quy định của Pháp luật. Việc giảm Vốn Điều lệ phải tuân theo các điều kiện và thủ tục do Pháp luật quy định.

8.6 Cổ phần

- (a) Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định phát hành các loại Cổ phần Ưu đãi khác vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật và Điều lệ bao gồm nhưng không hạn chế Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết, Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại và Cổ phần Ưu đãi khác. Trong trường hợp Công ty tiến hành chào bán Cổ phiếu ra công chúng hoặc vào các thời điểm phù hợp khác, các Cổ đông chiến lược hoặc nhân viên của Công ty sẽ được mua Cổ phần Ưu đãi hoặc Cổ phần Phổ thông của Công ty với giá ưu đãi theo quy định của Pháp luật và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Trong trường hợp cần thiết Đại hội đồng Cổ đông cũng có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị trong phạm vi này.
- (b) Mệnh giá của mỗi Cổ phần phổ thông sẽ là 10.000 (mười ngàn) VND. Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định việc chia tách giá trị Cổ phần. Giá của mỗi Cổ phần của công ty sau khi niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ tuân theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và/hoặc của trung tâm hay sở giao dịch chứng khoán có liên quan.
- (c) Công ty có thể mua Cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại) theo những cách thức được quy định tại Điều 12 của Điều lệ này. Cổ phần Phổ thông do Công ty mua lại là Cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn thi hành liên quan.
- (d) Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

8.7 Quyền Biểu quyết của Cổ phần

- (a) Mỗi Cổ phần Phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- (b) Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết sẽ có số phiếu biểu quyết theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông khi phát hành Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết đó.

- (c) Cổ đông sở hữu Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại và các loại Cổ phần Ưu đãi khác mà không phải là Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết sẽ không được phép biểu quyết, dự họp Đại hội đồng Cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác hoặc được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác.

8.8 Thanh toán mua Cổ phần do Công ty phát hành thêm

- (a) Trong trường hợp Công ty phát hành thêm Cổ phần để tăng Vốn Điều lệ, việc thanh toán tiền mua Cổ phần phát hành thêm của các Cổ đông có thể được thực hiện bằng:
- i. Tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi;
 - ii. Vàng;
 - iii. Bất động sản, giá trị quyền sử dụng đất;
 - iv. Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật;
 - v. Cổ phần và/hoặc phần vốn góp mà Cổ đông góp trong các công ty hay các tổ chức khác được Hội đồng Quản trị Công ty đồng ý tiếp nhận; và
 - vi. Thiết bị máy móc mới, hiện đại và là loại Công ty thực sự có nhu cầu sử dụng lâu dài mà việc góp vốn bằng thiết bị hay máy móc này sẽ có lợi bằng hoặc hơn về hiệu quả kinh tế và tài chính cho Công ty so với việc Công ty mua các thiết bị và máy móc đó từ các nhà cung cấp bên ngoài hay đi thuê;
 - vii. Hoặc tài sản có giá trị khác được Hội đồng Quản trị đồng ý tiếp nhận.
- (b) Đối với tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá trước khi góp vốn vào Công ty.
- (c) Trong trường hợp Pháp luật hoặc Đại hội đồng Cổ đông yêu cầu, việc thanh toán mua Cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:
- i. Tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;
 - ii. Tên và địa chỉ của Công ty;
 - iii. Mô tả tài sản và giá trị của tài sản được dùng để thanh toán; và
 - iv. Địa điểm và thời điểm giao tài sản.

Các Cổ đông sẽ ký tất cả các văn bản hoặc chứng thư và tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng, để thực hiện việc chuyển nhượng một cách hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua Cổ phần.

- (d) Vốn và tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần phải:
- i. Thuộc sở hữu hợp pháp của Cổ đông cho đến khi chuyển giao sang cho Công ty theo Điều này. Đối với tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, trước khi được góp vào Công ty thì việc góp vốn đó phải được sự chấp thuận của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật có hiệu lực vào thời điểm góp vốn;
 - ii. Hoàn toàn không bị hạn chế về quyền sở hữu hay sử dụng sau khi đã góp vào Công ty;
 - iii. Hoàn toàn không liên quan đến lợi ích của bất cứ Người thứ ba nào dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc tạo lập các biện pháp cầm cố, thế chấp hoặc các hình thức bảo đảm khác cũng như bị kèm theo các điều kiện hoặc quyền về khấu trừ, cưỡng chế hoặc sai áp tài sản của Người thứ ba đó, kể cả khi Người thứ ba đó là Cơ quan Nhà nước.
- (e) Ngay sau khi vốn và tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần, vốn và tài sản đó sẽ trở thành tài sản toàn quyền sở hữu của Công ty và không có Cổ đông nào còn có bất kỳ quyền lợi nào đối với tài sản đó hoặc có quyền khiếu nại, không thừa nhận hoặc tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản đó.
- (f) Cổ đông phải bảo vệ Công ty chống lại bất kỳ khiếu nại, tố cáo hoặc yêu cầu đòi lại tài sản hoặc yêu cầu cưỡng chế, sai áp hoặc khấu trừ tài sản của bất kỳ Người thứ ba nào và phải bồi hoàn cho Công ty bất kỳ chi phí hoặc tổn thất nào về mặt tài chính cũng như uy tín mà Công ty phải gánh chịu do hậu quả của những việc vừa nêu trong khoản này.

8.9 Sổ Đăng Ký Cổ Đông

- (a) Công ty sẽ lập Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông và các thông tin về Vốn Điều lệ và tỷ lệ góp Vốn Điều lệ của từng Cổ đông. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau:
- i. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - ii. Tổng số Cổ phần được quyền chào bán; loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - iii. Số lượng và giá trị của Cổ phần đã phát hành;
 - iv. Thông tin về Cổ đông, số lượng Cổ phần nắm giữ của mỗi Cổ đông và tỷ lệ góp Vốn Điều lệ của từng Cổ đông, ngày đăng ký Cổ phần; và
 - v. Các chi tiết khác do Hội đồng Quản trị quy định vào từng thời điểm.
- (b) Sổ Đăng ký Cổ đông sẽ được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lưu giữ và cập nhật.



- (c) Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
- (d) Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc từ bỏ bất kỳ một tài liệu nào trong số các hồ sơ sau trong vòng 12 (mười hai) năm hoặc một thời hạn dài hơn nếu Pháp luật có quy định:
 - i. Đơn chuyển nhượng Cổ phần đã được đăng ký hoặc các chứng từ, tài liệu khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ Đăng ký Cổ đông;
 - ii. Cổ Phiếu đã bị hủy bỏ.

và Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản trên đây.

Điều 9. Chứng Chỉ Cổ Phiếu

- 9.1 Trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định phát hành Cổ phần ghi sổ thay vì phát hành Cổ phiếu, sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cấp cho Cổ đông này Cổ phiếu cho các Cổ phần mà người này nắm giữ theo như quy định của Khoản 9.3 Điều này.
- 9.2 Tùy thuộc vào Khoản 9.4 và 9.6 Điều này, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản chi phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế các Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần mà họ nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.
- 9.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định và tuân thủ với mẫu do Bộ Tài chính hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước hoặc một Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu Pháp luật đòi hỏi sự tuân thủ này). Trong phạm vi được Pháp luật quy định hoặc theo quyết định của Hội đồng Quản trị, Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây:
 - (a) Tên và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - (b) Mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp;
 - (c) Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
 - (d) Tên Cổ đông đối với Cổ phiếu ghi danh;
 - (e) Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần;
 - (f) Chữ ký mẫu của Chủ tịch và dấu của Công ty;

- (g) Số đăng ký tại Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu; và
 - (h) Đối với Cổ phiếu Ưu đãi thì phải quy định hình thức ưu đãi và điều kiện chuyển nhượng.
- 9.4 Nếu Cổ phiếu ghi danh bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ phát hành Cổ phiếu ghi danh mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan với điều kiện Cổ đông sở hữu phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu Cổ phần. Cổ phiếu ghi danh mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu ghi danh cũ, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất, phí tổn và chi phí cho Công ty. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu ghi danh mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh. Đối với Cổ phiếu có tổng mệnh giá trên 10.000.000 (mười triệu) VND, chủ sở hữu Cổ phiếu phải đăng thông báo về việc Cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp Cổ phiếu mới.
- 9.5 Trường hợp Cổ đông chỉ chuyển nhượng một số Cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ Cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số Cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
- 9.6 Người sở hữu Cổ phiếu không ghi danh phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc bảo quản Cổ phiếu và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những Cổ phiếu không ghi danh này bị mất cắp hoặc bị sử dụng trái với quy định của Pháp luật.

Điều 10. Chứng Chỉ Chứng Khoán Khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 11. Chuyển Nhượng, Chuyển Giao Cổ Phần

11.1 Chuyển nhượng Cổ phần

- (a) Cổ đông Công ty có quyền chuyển nhượng Cổ phần nhưng phải tuân thủ các quy định có liên quan của Công ty và Điều lệ này. Việc chuyển nhượng Cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong thời gian đương nhiệm thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- (b) Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông theo như quy định trong Điều 8.9(a) của Điều lệ này. Cổ phiếu được niêm yết tại HOSE sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán, Thị trường chứng khoán và quy định của HOSE.
- (c) Việc chuyển nhượng Cổ phần của Công ty sẽ được thực hiện theo Pháp luật về chứng khoán và/hoặc tập quán giao dịch chứng khoán tồn tại vào thời điểm đó với điều kiện tập quán đó không trái với Pháp luật Việt Nam.

11.2 Chuyển giao Cổ phần

- (a) Nếu một Cổ đông là cá nhân chết thì những trường hợp sau đây sẽ được Công ty thừa nhận có tất cả các quyền và nghĩa vụ đối với Cổ phần của Cổ đông đã chết (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):
- i. Người được thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó;
 - ii. Người được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chỉ định trong trường hợp Cổ đông chết nhưng không có người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật hay nếu có nhưng người được thừa kế đó từ chối nhận số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại; và
 - iii. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác, những Người đồng sở hữu hợp nhất còn sống trong trường hợp Cổ phần được đồng sở hữu hợp nhất bởi những người này;

Với điều kiện bản thân những người kể trên sẽ có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền thừa hưởng hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông đã chết và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền thừa hưởng của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người thừa hưởng đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông đã chết để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền thừa hưởng số Cổ phần của Cổ đông đã chết, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của Toà án hoặc cơ quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.

- (b) Đối với Cổ đông là tổ chức chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức, Công ty sẽ thừa nhận những người sau đây là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông là tổ chức đó nắm giữ (trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác):
- i. Người mua hoặc được chuyển giao lại số Cổ phần đó dù là mua hoặc chuyển giao số Cổ phần đó một cách riêng rẽ hoặc gộp chung trong tổng tài sản thanh lý trong trường hợp Cổ đông đó thanh lý để giải thể hoặc phá sản hoặc trong trường hợp chia, tách pháp nhân. Việc mua bán và chuyển giao Cổ phần phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ này về chuyển nhượng, chuyển giao Cổ phần;
 - ii. Pháp nhân mới trong trường hợp hợp nhất pháp nhân mà Cổ đông có liên quan là một bên được hợp nhất để tạo nên pháp nhân mới đó;
 - iii. Pháp nhân nhận sáp nhập trong trường hợp sáp nhập pháp nhân mà Cổ đông có liên quan là pháp nhân được sáp nhập; và
 - iv. Các đối tượng khác theo quy định của Pháp luật liên quan đến tái cơ cấu và tổ chức lại của một pháp nhân;

Với điều kiện những người kể trên có trách nhiệm chứng minh mình có đầy đủ quyền sở hữu hợp pháp đối với số Cổ phần từ Cổ đông chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực cũng như các vấn đề khác liên quan đến quyền sở hữu của mình và phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trong trường hợp Công ty có thiệt hại về uy tín và vật chất do việc đã công nhận người đó là Cổ đông của Công ty đối với số Cổ phần mà Cổ đông chấm dứt hoạt động hoặc cơ cấu lại tổ chức để lại. Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh liên quan đến quyền sở hữu số Cổ phần của Cổ đông chấm dứt, Công ty sẽ không công nhận bất kỳ ai là Cổ đông đối với số Cổ phần đó cho đến khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án hoặc cơ quan xét xử có thẩm quyền về quyền thừa hưởng đối với số Cổ phần đó.

- (c) Bằng việc gia nhập Công ty với tư cách Cổ đông, mỗi Cổ đông thừa nhận và đồng ý một cách không huỷ ngang và vô điều kiện với các quy định về thừa kế Cổ phần hoặc sở hữu Cổ phần trong trường hợp Cổ đông chết hoặc chấm dứt hoạt động hay tái cơ cấu như quy định trong Điều lệ này.
- (d) Một người có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ Cổ phần này chết hoặc bị chấm dứt hoạt động (trong trường hợp Cổ đông là tổ chức) sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì chỉ có được sau khi người này đã đăng ký thành Cổ đông theo các quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Mua Lại Cổ Phần

12.1 Công ty được mua lại Cổ phần sau khi đáp ứng các điều kiện và hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

12.2 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu Cổ đông:

- (a) Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng Cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng Cổ đông thông qua Nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;
- (b) Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và quyết định việc mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại điểm (a) Khoản này. Nguồn vốn để mua lại cổ phần theo quy định tại điểm (a) Khoản này được trích từ quỹ thặng dư vốn cổ phần và/hoặc từ lợi nhuận chưa chia;
- (c) Trong trường hợp Công ty mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại điểm (a) và điểm (b) Khoản này thì giá mua sẽ tương đương giá thị trường và việc mua lại được thực hiện trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc một thời hạn khác theo thỏa thuận của các bên. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác

hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

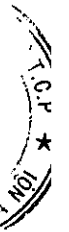
12.3 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty:

- (a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần Ưu đãi Cổ tức đã bán bằng thặng dư vốn hoặc lợi nhuận chưa phân phối hoặc nguồn vốn khác phù hợp theo quy định sau đây:
- i. Hội đồng Quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày chào bán. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do Đại hội đồng Cổ đông quyết định;
 - ii. Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần Phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (b) của Khoản này. Đối với Cổ phần loại khác, giá mua theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- (b) Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc; số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

12.4 Điều kiện thanh toán và xử lý Cổ phần được mua lại gồm:

- (a) Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Khoản 12.2 và Khoản 12.3 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- (b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 12.2 và Khoản 12.3 của Điều này được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán. Công ty phải



làm thủ tục điều chỉnh giảm Vốn Điều lệ tương ứng tổng giá trị các mệnh giá các Cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại Cổ phần, trừ trường hợp Pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

- (c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ Cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
- (d) Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ Cấu Tổ Chức Quản Lý

Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác; và
- Ban Kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền Của Cổ Đông

- 14.1 Cổ đông là chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 14.2 Cổ đông Phổ thông có các quyền sau:
 - (a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông với một phiếu biểu quyết cho mỗi Cổ phần Phổ thông;
 - (b) Được bổ nhiệm để giữ các Chức vụ Quản lý trong Công ty, nếu có đủ các điều kiện nắm giữ các chức danh đó theo quy định của Điều lệ này;

- (c) Được nhận cổ tức tại thời điểm và với giá trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Điều lệ này;
 - (d) Được tự do chuyển nhượng Cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này, quy định có liên quan của Công ty và của Pháp luật;
 - (e) Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán theo quy định của Điều lệ này;
 - (f) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ và những người được ưu tiên thanh toán hơn theo quy định của Pháp luật và sau khi thanh toán cho các Cổ đông Ưu đãi (nếu có) phù hợp với quyền của Cổ đông Ưu đãi đó theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - (g) Tùy thuộc vào quy định tại Điều 50 của Điều lệ, được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty (ngoại trừ các Thông tin Mật quy định tại Điều 66);
 - (h) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông và quyền biểu quyết của các Cổ đông này và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - (i) Được yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp được Pháp luật quy định hoặc các trường hợp khác được Hội đồng Quản trị chấp thuận với mức giá thỏa thuận hoặc mức giá do một tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định;
 - (j) Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (nếu có);
 - (k) Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
 - (l) Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;
 - (m) Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình; và
 - (n) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 14.3 Ngoài ra, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau đây:
- (a) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - (b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;



- (c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014;
 - (d) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần và thời điểm đăng ký Cổ phần của từng Cổ đông, tổng số Cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (e) Đề nghị hủy Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo trình tự, thủ tục Pháp luật quy định trong trường hợp nội dung Nghị quyết đó vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này; và
 - (f) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.
- 14.4 Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết có quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- 14.5 Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Cổ tức ngoài quyền và nghĩa vụ như Cổ phần Phổ thông, trừ các quyền nêu tại các điểm (a), (b) Khoản 14.2 và điểm (a) Khoản 14.3 của Điều này, còn được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của Cổ phần Phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cao hơn và mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi trên Cổ phiếu của Cổ phần Ưu đãi Cổ tức.
- 14.6 Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại ngoài quyền và nghĩa vụ như Cổ phần Phổ thông, trừ quyền nêu tại các điểm (a), (b) Khoản 14.2 và điểm (a) Khoản 14.3 của Điều này, còn được Công ty hoàn lại vốn góp bất cứ khi nào theo yêu cầu của Cổ đông đó hoặc theo các điều kiện được Đại hội đồng Cổ đông quyết định và được ghi tại Cổ phiếu của Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại.
- 14.7 Cổ đông nắm giữ các loại Cổ phần Ưu đãi khác sẽ có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông mỗi khi Công ty phát hành loại Cổ phần Ưu đãi đó.

Điều 15. Nghĩa Vụ Của Cổ Đông

15.1 Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- (a) Tuân thủ Điều lệ và các Quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- (b) Giám sát và cho ý kiến về hoạt động của Công ty;

32
NG
P
G
E
NH

- (c) Chịu trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong phạm vi số Cổ phần đã góp;
 - (d) Bảo vệ danh dự, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;
 - (e) Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể uỷ quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng Cổ đông;
 - (f) Thanh toán tiền mua Cổ phần theo số lượng Cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;
 - (g) Cung cấp chính xác địa chỉ đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức, địa chỉ liên lạc đối với Cổ đông là cá nhân khi đăng ký mua Cổ phần;
 - (h) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm pháp luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
 - (i) Không được rút vốn đã góp bằng Cổ phần Phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra (nếu có); và
 - (j) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Pháp luật và Điều lệ này.
- 15.2 Trong thời gian xây dựng và phát triển Công ty, Công ty có thể phải vay vốn để phục vụ cho đầu tư và kinh doanh, nếu các tổ chức tín dụng hoặc bên cho vay khác yêu cầu các Cổ đông phải bảo lãnh khoản vay, các Cổ đông có trách nhiệm bảo lãnh các khoản vay đó theo tỷ lệ vốn góp của mình trong Vốn Điều lệ.
- 15.3 Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

010
CỔ
CÍ
HÀNG
KHÔNG
VIỆT
JET

Điều 16. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 16.1 Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông thực thi tất cả các quyền hạn của Công ty nhưng không làm giảm hoặc giới hạn các quyền của Hội đồng Quản trị được quy định theo Điều lệ này. Ngoài các quyền hạn nêu dưới đây, Đại hội đồng Cổ đông còn có thể ủy thác một số quyền hạn của mình cho Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm theo yêu cầu và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 16.2 Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.

Điều 17. Quyền và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Bên cạnh các quyền đã được quy định theo Pháp luật hoặc Điều lệ này và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Cổ đông, Đại hội đồng Cổ đông có quyền quyết định đối với các vấn đề sau:

- 17.1 Quyết định các loại cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu đãi, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại;
- 17.2 Quyết định mức Cổ tức hằng năm mà Công ty chi trả;
- 17.3 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị đệ trình việc bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để Đại hội đồng Cổ đông xem xét và phê duyệt;
- 17.4 Xem xét và quyết định xử lý các sai phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc cho các Cổ đông của Công ty;
- 17.5 Quyết định tái tổ chức, tái cấu trúc, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- 17.6 Quyết định bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này; quyết định tăng/giảm Vốn Điều lệ;
- 17.7 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các Báo cáo Tài chính;
- 17.8 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn các kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty;
- 17.9 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- 17.10 Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán;
- 17.11 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo tiền thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên;
- 17.12 Quyết định mua lại hơn 10% Cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đã phát hành;

17.13 Quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn giao dịch với Bên có liên quan được đề cập tại Điểm 44.1(a); và

17.14 Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Các Đại Diện Được Ủy Quyền

- 18.1 Mỗi Cổ đông có quyền cử người đại diện cho quyền lợi của mình tại Công ty. Mỗi Cổ đông có thể cử nhiều hơn một người đại diện cho mình. Những người đại diện khác nhau có quyền có ý kiến và biểu quyết khác nhau. Trường hợp Cổ đông cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số Cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ đông không xác định số Cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số Cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số Cổ phần Phổ thông có thể cử tối đa (03) ba người đại diện.
- 18.2 Việc chỉ định hoặc hủy bỏ người đại diện theo ủy quyền phải được lập thành văn bản gửi đến Hội đồng Quản trị và sẽ có hiệu lực khi Hội đồng Quản trị nhận được văn bản này. Người đại diện theo ủy quyền được Cổ đông chỉ định không được ủy quyền lại cho người khác và cũng không được thực hiện các quyền khác ngoài phạm vi được ủy quyền theo văn bản ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.
- 18.3 Việc cử người đại diện theo ủy quyền không ảnh hưởng đến quyền của Cổ đông được trực tiếp tham dự và tham gia bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông mà Cổ đông đã có người đại diện theo ủy quyền. Trong trường hợp này, việc ủy quyền coi như đương nhiên chấm dứt và không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên liên quan.
- 18.4 Văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải theo mẫu do Công ty quy định và đảm bảo yêu cầu sau đây:
- (a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được ký bởi người ủy quyền; và
 - (b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì phải được người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký và đóng dấu theo quy định pháp luật.
- 18.5 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể ban hành mẫu giấy ủy quyền để sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- 18.6 Trừ trường hợp quy định tại khoản 18.3 Điều này, phiếu bầu của đại diện được ủy quyền hợp lệ vẫn được coi là có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông ủy quyền xảy ra các trường hợp sau:
- (a) Chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - (b) Hủy bỏ việc ủy quyền; hoặc
 - (c) Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

325
G
PH
KH
JI
+

trừ khi Hội đồng Quản trị nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên 10 (mười) giờ trước khi bắt đầu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

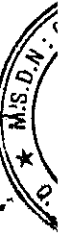
- 18.7 Người đại diện theo ủy quyền nhân danh Cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Mọi hạn chế của Cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng Cổ đông đều không có hiệu lực đối với Người thứ ba.
- 18.8 Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Cổ đông ủy quyền.
- 18.9 Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm với Cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm với Người thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 19. Thay Đổi Các Quyền

- 19.1 Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần Ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) Cổ phần Phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ đông nắm giữ ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại Cổ phần Ưu đãi nói trên tại cuộc họp biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại Cổ phần Ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng giá trị của các Cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số Cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ Cổ phần Ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ Cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi Cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 19.2 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 Điều lệ này.
- 19.3 Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại Cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các Cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu Tập Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Chương Trình Họp và Thông Báo Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 20.1 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc một thời hạn khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong phạm vi quy định của Pháp luật tại thời điểm và địa



điểm do Hội đồng Quản trị quyết định. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xin phép Cơ quan Đăng ký kinh doanh kéo dài thời hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể giao cho Tổng Giám đốc chuẩn bị chương trình nghị sự của mỗi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên và Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm sau cùng đối với nội dung chương trình nghị sự của Cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.

20.2 Người triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- (a) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng Cổ đông; chương trình họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp luật và Điều lệ này;
- (b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;
- (c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
- (f) Xác định thời gian và địa điểm họp; và
- (g) Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

20.3 Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập trong các trường hợp sau:

- (a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- (b) Theo đề nghị của các kiểm toán viên độc lập (nếu xét thấy cần thiết);
- (c) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý, nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn chủ sở hữu đã bị mất từ 15% (mười lăm phần trăm) trở lên;
- (d) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên mà Pháp luật quy định hoặc khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn 2/3 (hai phần ba) số thành viên quy định trong Điều lệ này;

- (e) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng; hoặc theo yêu cầu của ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng Quản trị; và
- (f) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có căn cứ tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Điều lệ và Pháp luật hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

Cá nhân hoặc đơn vị yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường phải nêu trong yêu cầu của mình gửi Hội đồng Quản trị, lý do, mục đích và các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường.

- 20.4 Trừ trường hợp Pháp luật quy định khác, Đại hội đồng Cổ đông phải được triệu tập bằng văn bản thông báo (fax, email hoặc thư) gửi đến từng Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền bằng văn bản). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Đồng thời thông báo mời họp phải được gửi kèm theo chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo về Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
- 20.5 Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo này sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại hội đồng Cổ đông đó. Tuy nhiên, việc Công ty không thực hiện được việc giao thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông hoặc địa chỉ thư điện tử đăng ký với Công ty không được coi là sự cố bất ngờ trong mọi trường hợp. Trong trường hợp có tranh chấp về vấn đề này, Công ty có trách nhiệm phải chứng minh là thông báo đã được gửi đi một cách đúng đắn. Ngoài ra, nếu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bị triệu tập lại vì không đủ số đại biểu tối thiểu, ngay lập tức Công ty sẽ phải cố gắng để xác nhận bằng fax, thư điện tử, điện thoại hoặc các phương tiện thông tin tương tự để thông báo cho Cổ đông việc triệu tập lại họp Đại hội đồng Cổ đông về thời gian và địa điểm được dời lại của phiên họp.
- 20.6 Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
- 20.7 Các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng theo quy định hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

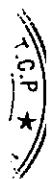


- 20.8 Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Cổ đông có thể tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bằng điện thoại và/hoặc các phương tiện kết nối trực tiếp khác với điều kiện mỗi Cổ đông này phải nghe được những Cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các Cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì Cổ đông này phát biểu. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.
- 20.9 Thành viên Hội đồng Quản trị, cho dù người này không là Cổ đông, đều có quyền tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 21. Các Điều Kiện Tiến Hành Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

21.1 Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông

- (a) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được tiến hành khi có sự hiện diện của số Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông nắm giữ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
- (b) Nếu số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không hiện diện trong vòng 60 (sáu mươi) phút sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới mức tối thiểu, Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ được triệu tập lần thứ hai trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp lần thứ nhất và số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Cuộc họp này (Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của họ) sẽ được giảm xuống ở mức nắm giữ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.
- (c) Trường hợp Cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm (b) Khoản này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.
- (d) Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
- i. Có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại Cuộc họp; và
 - ii. Có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ đông tham gia vào Cuộc họp sẽ được xác định là có mặt tại buổi họp nếu được Cổ đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.



21.2 Kiến nghị thay đổi nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông

- (a) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời gian liên tục 06 (sáu) tháng trước ngày diễn ra Đại hội có quyền kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung chương trình họp của Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị thay đổi hoặc thêm vào nội dung chương trình họp phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (ba) ngày trước ngày bắt đầu phiên họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên của Cổ đông hoặc các Cổ đông kiến nghị, số lượng Cổ phần của mỗi Cổ đông này đang nắm giữ, chữ ký và những vấn đề kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung vào nội dung chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông.
- (b) Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị thay đổi hoặc bổ sung trong một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng thời hạn hoặc không đáp ứng đủ các thông tin; hoặc
 - ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
 - iii. Người kiến nghị không xuất trình hoặc gửi kèm đủ các giấy tờ theo quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

Điều 22. Thể Thức Tiến Hành Họp và Biểu Quyết Tại Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 22.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng Cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 22.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc từng đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký Cổ đông, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết, số phiếu tán thành Nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu biểu quyết để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc không có ý kiến, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội đồng Cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Nếu Đại hội đồng Cổ đông không bầu thì thành viên Ban kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa chọn. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.
- 22.3 Cổ đông đến dự Đại hội đồng Cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 22.4 Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ tọa phiên họp Đại hội đồng Cổ đông. Nếu cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đều không có mặt trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút sau khi Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông dự kiến bắt đầu, các thành viên Hội đồng Quản trị khác có mặt

sẽ bầu một thành viên trong số họ làm Chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận hoặc, nếu chỉ có duy nhất một thành viên Hội đồng Quản trị có mặt, thành viên này sẽ làm Chủ tọa nếu người này muốn đảm nhận. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.

- 22.5 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều khiển Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- 22.6 Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có thể hoãn họp Đại hội đồng Cổ đông ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại Hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại Hội, (b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp, (c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết hoặc (d) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội Đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn Cuộc họp tối đa không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày dự định khai mạc. Cuộc họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Cuộc họp bị hoãn trước đó.
- 22.7 Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành Cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại Cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 22.8 Chủ tọa hoặc Thư ký Cuộc họp có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
- 22.9 Chủ tọa có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Chủ tọa cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ đông hoặc đại diện nói trên không cho tham gia Đại Hội.
- 22.10 Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
- (a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;



(c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Cuộc họp.

22.11 Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

22.12 Trong trường hợp tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Chủ tọa khi xác định địa điểm Cuộc họp có thể:

(a) Thông báo rằng Cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);

(b) Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức Cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

22.13 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Cuộc họp tại Địa điểm chính của Đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

23.1 Đại hội đồng Cổ đông thông qua các Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau đây:

(a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

(b) Định hướng phát triển Công ty;

(c) Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại;

(d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;

(e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

(f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; hoặc

(g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

23.2. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- (a) Được Cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận;
- (b) Đối với Nghị quyết về
 - i. Loại Cổ phần và tổng số Cổ phần của từng loại;
 - ii. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - iii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iv. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - v. Đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% (Năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - vi. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

Thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.

- 23.3. Nếu tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết (hoặc đại diện được ủy quyền) đều nhất trí thông qua Nghị quyết thì Nghị quyết đó hợp lệ trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi thủ tục triệu tập Đại hội đồng Cổ đông không được tiến hành phù hợp hoặc nội dung cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông không được đưa vào chương trình họp theo quy định của Điều 20.4. Trong trường hợp như vậy, các Cổ đông coi như đã đồng ý từ bỏ yêu cầu về thủ tục triệu tập họp hoặc về nội dung Cuộc họp.
- 23.4. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần, bất cứ người nào trong số họ hoặc người đại diện được họ ủy quyền cũng có thể bỏ phiếu trong mọi Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông như là chủ sở hữu duy nhất của Cổ phần, nhưng nếu có nhiều hơn một Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền đồng sở hữu Cổ phần cùng có mặt tại một cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Cổ đông đồng sở hữu có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký sẽ có quyền bỏ phiếu thay mặt cho những Cổ đông khác.
- 23.5. Tất cả các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi tất cả các văn bản cần thiết và đầy đủ thông tin để đưa ra các quyết định chính xác.
- 23.6. Thủ tục phê chuẩn các Nghị quyết dưới dạng lấy ý kiến bằng văn bản không cần tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, nhưng phải tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 23.7. Việc kiểm phiếu biểu quyết theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện bằng phần mềm vi tính.

10/10 H - 1/17

Điều 24. Thẩm Quyền và Thủ Thức Lấy Ý Kiến Cổ Đông Bằng Văn Bản Để Thông Qua Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

24.1 Thủ thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản

- (a) Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản mà không cần tổ chức Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- (b) Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất (10) mười ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.
- (c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ thường trú, của Cổ đông hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng thực thông tin cá nhân của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
 - iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- (d) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trước khi kiểm phiếu đều không hợp lệ.

- (e) Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Các quyết định đã được thông qua;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- (f) Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- (g) Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- (h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- (i) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

24.2 Thông tin về các Nghị quyết

- (a) Các Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi chép biên bản bằng tiếng Việt theo yêu cầu của Pháp luật. Biên bản phải được lưu trữ trong Sổ Biên bản giữ tại trụ sở Công ty và phải sẵn sàng cung cấp cho các Cổ đông khi có nhu cầu kiểm tra.
- (b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông và các Cán bộ Quản lý chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra Nghị quyết.

23
N
F
G
E
E

Điều 25. Biên Bản Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Chủ tọa Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông dưới hình thức ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi bằng thư điện tử hoặc gửi bằng đường bưu điện cho tất cả các Cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông kết thúc. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký, được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu Cầu Hủy Bỏ Nghị Quyết Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời gian 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được (hoặc được đăng tải trên website của Công ty) Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông bằng văn bản, tùy vào sự kiện nào đến trước, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau:

- 26.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ; hoặc
- 26.2 Nội dung của Nghị quyết vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ.

Trong trường hợp này, các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành Phần và Nhiệm Kỳ Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

27.1 Thành phần và việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị

- (a) Trừ khi được Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Hội đồng Quản trị của Công ty sẽ có thể có từ 5 (năm) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị của từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông bầu trên cơ sở đề cử của các Cổ đông.

Cổ đông hoặc nhóm nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị theo tỷ lệ dưới đây. Theo đó, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ:

- Từ 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ trên 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên đã được bổ nhiệm tại phiên họp đầu tiên của Đại hội đồng Cổ đông được tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- (b) Việc biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tùy từng thời điểm. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- (c) Phương thức bầu dồn phiếu được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
- (d) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị cần đáp ứng được những điều kiện sau:
 - i. Hội đủ những năng lực chuyên môn hoặc kỹ năng cần thiết để thực thi các chức năng của một thành viên Hội đồng Quản trị và có thể tổ chức và điều hành Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - ii. Có sức khỏe và đạo đức tốt; và
 - iii. Các điều kiện khác do Đại hội đồng Cổ đông quy định đối với thành viên Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
- (e) Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ bị bãi nhiệm nếu:

- i. Thành viên này không còn đáp ứng các điều kiện quy định trong Điểm 27.1(d) hoặc bị cấm giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật hoặc theo một quyết định đang có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - ii. Tư cách đại diện theo ủy quyền của Cổ đông chấm dứt;
 - iii. Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - iv. Thành viên này thông báo từ chức đến Công ty;
 - v. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong 03 (ba) kỳ họp mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; hoặc
 - vi. Thành viên đó vi phạm kỷ luật bị cách chức hoặc miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- (f) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị sẽ được hoàn lại các chi phí hợp lý bao gồm tiền đi lại, lưu trú và các khoản chi tiêu hợp lý khác phát sinh do việc tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị hoặc Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị đề nghị định mức các khoản chi phí như các khoản phụ cấp, công tác phí, đi lại, lưu trú và các khoản chi tiêu hợp lý khác và trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
 - (g) Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho các Cán bộ Quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi Pháp luật quy định khác.
 - (h) Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận. Mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 - (i) Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ quản lý nào (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị) hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, thành viên thực hiện những công việc khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, thưởng, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - (j) Không một thành viên Hội đồng Quản trị nào được quyền đại diện, đảm bảo, cam kết thay mặt Công ty hoặc ràng buộc Công ty vào bất kỳ nghĩa vụ nào trừ trường hợp được quy định rõ trong Điều lệ này hoặc bởi Nghị quyết của Hội đồng Quản



trị được triệu tập hợp lệ hoặc bởi Nghị quyết bằng văn bản theo Điều 32 Điều lệ này.

- (k) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ tất cả các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
- (l) Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty.
- (m) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải luôn hành động trung thực vì lợi ích của Công ty và thực hiện các nghĩa vụ của mình một cách trung thực nhân danh Công ty. Ngoài các tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải đạt các yêu cầu sau:
 - Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Cán bộ quản lý và cán bộ khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Cổ đông lớn của công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
- (n) Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điểm 27.1 (m) Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không còn đáp ứng đủ điều kiện tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập có liên quan.

27.2 Nhiệm Kỳ Của Hội Đồng Quản Trị

- (a) Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được Đại hội đồng Cổ đông tái bổ nhiệm trong các nhiệm kỳ tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- (b) Hội đồng Quản trị có thể tạm thời bổ nhiệm một thành viên mới để thay thế thành viên cũ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điểm

27.1(e), thành viên mới phải được Đại hội đồng Cổ đông của kỳ họp ngay sau đó chấp thuận. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị, có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế, được ban hành trước thời điểm Đại hội đồng Cổ đông ra quyết định không chấp thuận thành viên Hội đồng quản trị thay thế đó vẫn có hiệu lực thi hành.

- (c) Trong trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị được bầu bổ sung hoặc được bầu thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn của nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Việc bầu bổ sung có thể được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và đảm bảo nguyên tắc bầu dồn phiếu quy định tại Điều lệ này.
- (d) Việc bầu, bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Điều 28. Quyền Hạn và Trách Nhiệm Của Hội Đồng Quản Trị

- 28.1 Trừ những quyền hạn và trách nhiệm thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ này hoặc quy định bởi Pháp luật, Hội đồng Quản trị sẽ có quyền và trách nhiệm quản lý tất cả các hoạt động chính của Công ty và sẽ quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty, bao gồm cả các vấn đề xác định trong Điều 28.3.
- 28.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác.
- 28.3 Không giới hạn bởi quy định chung nêu trên, Hội đồng Quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - (a) Phụ thuộc vào quy định tại Điều 28.3, phê chuẩn và chi đạo chiến lược của Công ty, các kế hoạch hành động chính, chính sách quản lý rủi ro;
 - (b) Phê duyệt ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm bao gồm kế hoạch tài chính, tổng quỹ lương, kế hoạch đầu tư mua sắm ... và xác lập các mục tiêu hoạt động trong năm;
 - (c) Xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển dài và trung hạn của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng Cổ đông quyết định;
 - (d) Đề xuất các loại Cổ phần mới sẽ được phát hành, quyền lợi, quyền ưu tiên, quyền hạn và đặc quyền của mỗi loại Cổ phần và số lượng Cổ phần được phát hành đối với mỗi loại để Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn;
 - (e) Quyết định việc phát hành Cổ phiếu và trái phiếu, bao gồm cả trái phiếu chuyển đổi thành Cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua Cổ phiếu theo một giá xác định trước, đã được phép phát hành nhưng chưa được Công ty phát hành và quyết định mức giá phát hành các Cổ phiếu hoặc trái phiếu này;

- (f) Giải quyết các khiếu nại đối với Công ty về Cán bộ Quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến Cán bộ Quản lý đó.
- (g) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Điều 17.9 và Điều 44 của Điều lệ này, Hội đồng Quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- (h) Quyết định mọi khoản vay của Công ty, các biện pháp bảo đảm khoản vay do Công ty cung cấp.
- (i) Quyết định các khoản đầu tư không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 17.9 của Điều lệ này;
- (j) Quyết định cơ cấu tổ chức Công ty, ngoại trừ các vấn đề liên quan đến các cơ quan, đơn vị hoặc phòng ban của Công ty đã được quy định trong Điều lệ này;
- (k) Quyết định và thông qua các quy chế quản lý nội bộ bao gồm nhưng không hạn chế Quy chế tài chính, Quy chế nhân viên, các tài liệu trình nhà chức trách, Hợp đồng để đảm bảo chứng chỉ nhà khai thác (AOC) và các Quy chế khác;
- (l) Quyết định thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện Công ty trong hoặc ngoài Việt Nam cũng như đầu tư vào các công ty khác phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn;
- (m) Xem xét và đệ trình các Báo cáo Tài chính lên Đại hội đồng Cổ đông để được phê chuẩn; báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông về hoạt động của Hội đồng Quản trị, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính, nếu không có báo cáo của Hội đồng Quản trị thì Báo cáo Tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị xem xét;
- (n) Kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông về mức cổ tức được trả; quyết định thời gian và phương thức chi trả cổ tức; và quyết định về phương pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty;
- (o) Kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông các vấn đề về tái tổ chức, tái cấu trúc hoặc giải thể Công ty;
- (p) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc; phê chuẩn việc bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý khác từ cấp Phó Phòng Ban trở lên, hoặc bất kỳ người đại diện nào của Công ty theo đệ trình của Tổng Giám đốc;
- (q) Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kê cả kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập,

đặc biệt là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính và giám sát sự tuân thủ theo quy định của Pháp luật;

- (r) Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành Cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm: quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (s) Quyết định mua lại hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) Cổ phần theo từng loại đã được chào bán trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày chào bán;
- (t) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi Cổ phần của Công ty;
- (u) Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán để Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn; và
- (v) Có các quyền hạn khác theo như quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được Pháp luật cho phép, cũng như những quyền hạn khác được Pháp luật quy định.

28.4 Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng Cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

Điều 29. Chủ Tịch, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- 29.1 Hội đồng Quản trị có thể bầu một trong các Thành viên làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một số Thành viên làm Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trừ khi Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.
- 29.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ tọa tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Nếu chức Chủ tịch bị khuyết, hoặc Chủ tịch không có mặt trong vòng 45 (bốn mươi lăm) phút sau thời điểm cuộc họp dự kiến bắt đầu thì một Phó chủ tịch sẽ điều hành. Nếu Phó Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch thứ hai (nếu có) hoặc một Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt sẽ được Hội đồng Quản trị bầu làm chủ tọa của phiên họp.
- 29.3 Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng Quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số phiếu.
- 29.4 Chủ tịch có thể đồng thời là thành viên trong Ban Giám đốc.
- 29.5 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi Báo cáo Tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, Báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và Báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

- 29.6 Khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải bầu Chủ tịch mới chậm nhất trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.
- 29.7 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có những quyền và nghĩa vụ quy định trong Điều lệ này và quy định bởi Pháp luật.

Điều 30. Cuộc Họp Hội Đồng Quản Trị

- 30.1 Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 30.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến. Các Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tổ chức tùy theo nhu cầu của hoạt động kinh doanh, nhưng mỗi quý phải họp tối thiểu là 01 (một) lần. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
- (a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ Quản lý khác;
 - (b) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành hoặc 03 (ba) thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - (c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.
- 30.3 Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị thảo luận về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 30.4 Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Điều 30.2 phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 30.2 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
- 30.5 Thông báo triệu tập phải được gửi tới mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị chậm nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp. Tuy nhiên, nếu quá nửa số thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý không cần thời gian thông báo trước, cuộc họp vẫn có thể được tiến hành sớm hơn vào thời gian mà các thành viên trên đã nhất trí. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải xác định rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải có đính kèm các tài liệu cần thiết về

những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chương trình dự thảo cho mỗi cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Quản trị. Chương trình họp Hội đồng Quản trị bất thường sẽ do người yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị cung cấp.

- 30.6 Khi được yêu cầu, các Cán bộ Quản lý hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị tất cả các thông tin và/hoặc tài liệu khác có liên quan đến hoạt động của Công ty và liên quan đến cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 30.7 Cuộc họp Hội đồng Quản trị lần thứ nhất phải được triệu tập chậm nhất 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất (được tổ chức theo Điều 20 Điều lệ).
- 30.8 Thông thường các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành tại trụ sở Công ty, nhưng cũng có thể được tiến hành tại địa điểm khác do Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm.
- 30.9 Thành viên Hội đồng Quản trị có thể tham dự Cuộc họp Hội đồng Quản trị qua điện thoại hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác với điều kiện mỗi thành viên này có thể nghe rõ các thành viên khác có mặt trong cuộc họp và các thành viên có mặt cũng nghe rõ thành viên này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 30.10 Nếu một thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị, thành viên này có thể ủy quyền bằng văn bản một người đại diện cho mình. Việc ủy quyền này phải được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Người được ủy quyền phải là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Giám đốc. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một cuộc họp Hội đồng Quản trị nhất định hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng Quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của thành viên ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại văn phòng trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng Quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu biểu quyết tương ứng với mỗi thành viên mà người này đại diện và một phiếu biểu quyết của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một thành viên Hội đồng Quản trị.
- 30.11 Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các Cán bộ Quản lý, hoặc bất cứ người nào trong số họ tham dự họp Hội đồng Quản trị để báo cáo trực tiếp với Hội đồng Quản trị về tất cả các vấn đề liên quan đến Công ty hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong phạm vi trách nhiệm hoặc kiến thức, kỹ năng của họ.
- 30.12 Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể cho phép người khác tham dự Cuộc họp để cố vấn và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
- 30.13 Tiến trình và các quyết định của các Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép vào biên bản bằng tiếng Việt. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị, người ghi biên bản Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải ký tên vào biên bản. Biên bản gốc sẽ được lưu giữ trong Sổ

Biên bản. Sổ Biên bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra.

Điều 31. Điều Kiện Họp và Việc Biểu Quyết Tại Hội Đồng Quản Trị

31.1 Điều kiện họp Hội đồng Quản trị

- (a) Số thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện tham dự tối thiểu để cuộc họp Hội đồng Quản trị đủ điều kiện tiến hành là từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp tối thiểu theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp được triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty dự họp.
- (b) Thành viên có thể tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho người khác đến dự họp như quy định tại Điều 30.10 của Điều lệ này;
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; hoặc
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- (c) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- (d) Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các thành viên, trong đó một số hoặc tất cả thành viên của Hội đồng Quản trị đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải nghe và/hoặc nhìn được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp thông qua phương tiện truyền thông;

31.2 Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị

- (a) Trong mỗi cuộc họp Hội đồng Quản trị, mỗi thành viên sẽ có một phiếu biểu quyết. Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được quy định tại Điều 28.3 và các vấn đề khác không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Tổng Giám đốc theo Điều lệ này hoặc các vấn đề khác mà Đại hội đồng Cổ đông có thể ủy quyền hoặc trao cho Hội đồng Quản trị theo từng thời điểm. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp một vấn đề được lấy ý kiến thông qua có số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

- (b) Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty (“**Thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan**”). Thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan không được tính vào số lượng thành viên tham dự tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị quyết định những nội dung mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- (c) Theo quy định tại Điểm 31.2(d) của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho Chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
- (d) Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 43.1 Điều lệ này được coi là có lợi ích liên quan trong hợp đồng đó.
- (e) Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 32. Nghị Quyết Bằng Văn Bản Thông Qua Không Cần Hợp Hội Đồng Quản Trị

- 32.1 Theo yêu cầu của bất kỳ một Thành viên nào, Hội đồng Quản trị có thể thông qua một quyết định bất kỳ mà không cần tổ chức cuộc họp nếu như được sự chấp thuận bằng văn bản của số Thành viên Hội đồng Quản trị cần thiết để thông qua một quyết định tương tự trong trường hợp có triệu tập cuộc họp đúng thể thức và phù hợp với bản Điều lệ này. Văn bản chấp thuận sẽ có hiệu lực giống như sự phê chuẩn của Thành viên Hội đồng Quản trị hiện diện tại cuộc họp chính thức. Văn bản chấp thuận có thể lập thành một hoặc nhiều tài liệu với hình thức giống nhau và mỗi bản đều phải có chữ ký của một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị. Văn bản chấp thuận có thể là bản fax, email nhưng phải kèm theo sau đó là bản gốc và được Công ty lưu giữ. Các Nghị quyết bằng văn bản phải luôn sẵn sàng để các thành viên Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra.
- 32.2 Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu biểu quyết bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng Quản trị, những phiếu

25
PHI
KH
TJ

thông qua thư, fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công ty không muộn hơn 01 (một) giờ đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

Điều 33. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

- 33.1 Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
- 33.2 Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của Chủ tọa và Người ghi biên bản.

Điều 34. Các Ủy Ban và Tiểu Ban Của Hội Đồng Quản Trị

Trong trường hợp cần thiết Hội đồng Quản trị có thể thành lập các Ủy ban, Tiểu ban để giúp việc cho Hội đồng Quản trị. Chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quy định cụ thể. Các nhân viên trong các Ủy ban, Tiểu ban có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Lương hoặc phụ cấp cho các nhân viên thuộc các Ủy ban, Tiểu ban do Hội đồng Quản trị quy định và phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Công ty có các Ủy ban sau:

- Ủy ban An toàn Hàng không;
- Ủy ban An ninh Hàng không;
- Ủy ban Tổ chức và nhân sự;
- Ủy ban điều hành tình trạng khẩn cấp;
- Ủy ban Bảo hiểm;
- Ủy ban Quản lý rủi ro.

Tùy vào tình hình hoạt động và yêu cầu của Công ty và/hoặc của Pháp luật theo từng thời kỳ, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định việc thành lập hoặc giải thể các Ủy ban, Tiểu ban tương ứng.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 35. Tổ Chức Bộ Máy Quản Lý

- 35.1 Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị lãnh đạo. Công ty sẽ có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và Cán bộ Quản lý khác, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp. Số lượng Phó Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác phụ thuộc vào yêu cầu thực tế của hoạt động Công ty theo từng thời kỳ.
- 35.2 Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty sẽ bổ nhiệm một số lượng nhất định các Cán bộ Quản lý cần thiết và thích hợp để quản lý các

lĩnh vực khác nhau trong Công ty. Cán bộ Quản lý được bổ nhiệm phải có năng lực và sự mẫn cán cần thiết để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ của Công ty.

- 35.3 Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác của các Cán bộ Quản lý được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng người. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng do Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Công ty ký. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động với các Cán bộ Quản lý khác sau khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.

Điều 36. Cán Bộ Quản Lý Của Công Ty

- 36.1 Cán bộ quản lý trong Công ty sẽ được tuyển dụng hoặc bổ nhiệm trên cơ sở chấp thuận của Hội đồng Quản trị.

- 36.2 Phúc lợi của các Cán bộ Quản lý:

Phúc lợi của các Cán bộ Quản lý hoặc bổ nhiệm trên cơ sở quản trị do Hội đồng Quản trị bầu trong số Thành viên Hội đồng Quản trị được thể hiện trong hợp đồng lao động đối với từng người. Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay mặt Công ty ký. Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký hợp đồng lao động với các Cán bộ Quản lý khác sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Điều 37. Bổ Nhiệm, Miễn Nhiệm, Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Tổng Giám Đốc

- 37.1 Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Hội đồng Quản trị tiếp theo. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc từ 2 (hai) đến 5 (năm) năm, Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị và không giới hạn về số nhiệm kỳ.
- 37.2 Tổng Giám đốc có thể không phải là Cổ đông của Công ty nhưng phải là người có kiến thức, có năng lực, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe. Tổng Giám đốc không phải là người bị luật pháp cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật.
- 37.3 Tổng Giám đốc sẽ là đại diện về mặt pháp luật của Công ty đối với các vấn đề có liên quan đến hoạt động và quản lý Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện Công ty trước Tòa án và các Cơ quan Nhà nước cũng như thay mặt Công ty thực hiện bất kỳ và tất cả các hợp đồng với người thứ ba. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc bao gồm việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.
- 37.4 Hội đồng Quản trị sẽ xác định trách nhiệm của Tổng Giám đốc và giao một số quyền hạn mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Tổng Giám đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 37.5 Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

- (a) Quyết định ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản thuộc thẩm quyền hoặc sau khi có sự phê chuẩn của Đại hội Đồng Cổ đông theo quy định tại Điều 17 hoặc của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 28.3 Điều lệ này;
- (b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng và các quyền lợi khác của các cán bộ quản lý khác từ cấp phó phòng ban trở lên hoặc bất kỳ người đại diện nào của Công ty sau khi nhận được ý kiến thống nhất của Hội đồng Quản trị tại Điểm 28.3(v) Điều lệ này;
- (c) Tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại hội đồng Cổ đông. Chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của Công ty;
- (d) Điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng yêu cầu;
- (e) Giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung;
- (f) Đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị;
- (g) Kiến nghị, trình Hội đồng Quản trị số lượng lao động cần tuyển chọn; bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền lợi (lương, thưởng...) của các Cán bộ Quản lý thuộc quyền quản lý của Hội đồng Quản trị, bao gồm: các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc, trưởng các Phòng, Ban hoặc chức vụ tương đương;
- (h) Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, tuyển dụng, thôi việc, mức lương, trợ cấp, lợi ích, các vấn đề liên quan đến chính sách nhân sự, nội dung hợp đồng lao động của cán bộ từ cấp phó phòng, ban trở xuống đến nhân viên, công nhân trực tiếp;
- (i) Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động của Công ty đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
- (j) Giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị; và
- (k) Thực thi các quyền và nghĩa vụ khác không dành cho Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị; hoặc được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng Nghị quyết và thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.

- 37.6 Thẩm quyền phê duyệt tài chính của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy chế quản trị, quy chế tài chính của Công ty hoặc được Hội đồng Quản trị quy định theo từng thời kỳ.
- 37.7 Tổng Giám đốc có thể từ chức bất kỳ lúc nào, với điều kiện phải thông báo với Công ty theo đúng quy định ghi rõ trong hợp đồng lao động và/hoặc theo Quyết định bổ nhiệm.
- 37.8 Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khi có yêu cầu. Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Cán bộ Quản lý Công ty, Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được tham gia biểu quyết, trừ khi Tổng Giám đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.
- 37.9 Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

Điều 38. (Các) Phó Tổng Giám Đốc

- 38.1 Phó Tổng Giám đốc Công ty được các Cổ đông hoặc Tổng Giám đốc đề cử và phải được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Phó Tổng Giám đốc là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc. Trường hợp vi phạm pháp luật, Điều lệ hoặc kinh doanh thua lỗ, Phó Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị Công ty miễn nhiệm hoặc chấm dứt Hợp đồng lao động trước thời hạn.
- 38.2 Phó Tổng Giám đốc Công ty phải là người có kiến thức chuyên ngành liên quan tới lĩnh vực kinh doanh của Công ty, có kinh nghiệm quản lý, hiểu biết pháp luật và có sức khỏe. Phó Tổng Giám đốc không phải là người bị luật pháp cấm giữ chức vụ này theo quy định của Pháp luật.
- 38.3 Phó Tổng Giám đốc Công ty có quyền điều hành những hoạt động kinh doanh hoặc chuyên môn thuộc trách nhiệm của mình theo nội dung nêu trong quyết định bổ nhiệm và những nội dung khác theo sự phân công của Hội đồng Quản trị hoặc những hoạt động khác theo sự uỷ quyền của Tổng Giám đốc.
- 38.4 Phó Tổng Giám đốc Công ty có quyền đại diện cho Công ty trước các cơ quan Nhà nước và tài phán khi được uỷ quyền. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của mình trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Điều 39. Kế Toán Trưởng

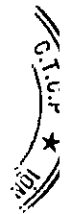
Kế toán trưởng có trách nhiệm lãnh đạo đội ngũ nhân viên phụ trách về các lĩnh vực gồm Kế toán và Quản lý Tài chính. Kế toán trưởng phải giám sát các hoạt động Kế toán và Tài chính và quy định những chính sách liên quan đối với tất cả các vấn đề về quản lý tài chính, kế toán của Công ty, bảo đảm cho công tác Tài chính – Kế toán của Công ty được trôi chảy, lành mạnh, minh bạch, tuân thủ đúng các chuẩn mực kế toán được áp dụng. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:

- 39.1 Giám sát các hệ thống và công việc kế toán cần thiết cho việc duy trì sổ sách và giấy tờ kế toán của Công ty, việc thực hiện các khoản dự phòng và các quỹ hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc Hội đồng Quản trị;
- 39.2 Quản lý và cho ý kiến về việc sử dụng và chi tiêu tiền mặt và ngân quỹ của Công ty;

- 39.3 Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các nguồn tiền mặt bằng ngoại tệ và tiền Đồng;
- 39.4 Giám sát việc chuẩn bị các dữ liệu ngân sách cần thiết để lập ngân sách hàng năm;
- 39.5 Giám sát hoạt động quản lý rủi ro tài chính;
- 39.6 Lập và nộp tất cả các báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật;
- 39.7 Bảo đảm việc lập và nộp các báo cáo hoạt động và báo cáo tài chính một cách đúng hạn và chính xác;
- 39.8 Đưa ra và giám sát quy trình kế toán cần thiết trong nội bộ Công ty, bao gồm cả các báo cáo tháng, quý và năm phải lập theo yêu cầu quản lý bao gồm các báo cáo tài chính truyền thống, các sổ sách ngân sách kèm theo phân tích các thay đổi, dự tính về luồng tiền mặt, báo cáo quản lý tiền mặt, các dự toán vãng lai được cập nhật của các kết quả hàng năm dự tính và bất kỳ báo cáo nào khác với bản chất đặc biệt phải lập theo yêu cầu quản lý hoặc theo yêu cầu của Công ty; và
- 39.9 Giám sát việc tuyển dụng, đào tạo và khuyến khích phát triển đội ngũ nhân viên phòng Tài chính - Kế toán thông qua các chương trình đào tạo và phát triển; Phát triển và đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý nguồn nhân lực; Đề xuất chế độ phúc lợi và lợi ích cho nhân viên.

Điều 40. Thư Ký Công Ty

- 40.1 Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và điều kiện làm việc theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
 - (a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - (b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (c) Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
 - (d) Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với Pháp luật;
 - (e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát ;
 - (f) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - (g) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - (h) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong việc áp dụng và thực hiện các nguyên tắc quản trị Công ty;



- (i) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ Cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
 - (j) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - (k) Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại từng thời điểm.
- 40.2 Thư ký Công ty giúp Tổng Giám đốc lập các lệnh điều hành trên cơ sở Nghị quyết của của Hội đồng Quản trị và kết luận của Tổng Giám đốc tại các Biên bản cuộc họp và theo chỉ đạo khác khi có yêu cầu, đồng thời theo dõi việc tổ chức thực hiện trên.
- 40.3 Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 41. Không Kiêm Nhiệm

Trừ trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn hoặc do Công ty đề cử, Kế toán trưởng và Cán bộ Quản lý không được đồng thời giữ chức vụ Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý nào khác hay nhân viên khác của bất kỳ một tổ chức nào khác.

Không một nhân viên nào của Công ty, kể cả Tổng Giám đốc và các nhân viên cao cấp khác của Công ty được tham gia hoặc làm việc cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng Quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 42. Trách Nhiệm Căn Trọng Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Các Cán Bộ Quản Lý

- 42.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý được uỷ thác công việc của Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình (kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Tiểu ban hoặc Ủy ban của Hội đồng Quản trị) một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
- 42.2 Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 1% (một phần trăm) số Cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:
- (a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2014;
 - (b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;



- (c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của Pháp luật, Điều lệ này hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - (d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc
 - (e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 42.3 Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của Pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 43. Tránh Các Xung Đột Quyền Lợi

- 43.1 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 43.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, các Cán bộ Quản lý của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của mình với Công ty, bao gồm:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc Cổ phần đó;
 - (b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng Cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% (mười phần trăm) Vốn Điều lệ.
- 43.3 Việc kê khai quy định tại Khoản 43.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan và mọi thay đổi về các lợi ích đó phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 43.4 Việc kê khai quy định tại Khoản 43.2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, và Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.
- 43.5 Thành viên Hội đồng Quản trị và các Cán bộ Quản lý nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

- 43.6 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý hoặc Người có liên quan của họ không được phép mua, bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác hoặc tiết lộ, cung cấp thông tin nội bộ hoặc tư vấn cho người khác mua bán các Cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những Cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
- 43.7 Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.
- 43.8 Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 44. Hiệu Lực Của Một Số Hợp Đồng

44.1 Giao dịch với Bên có liên quan

Giao dịch với Bên có liên quan chỉ có hiệu lực nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Đối với Giao dịch với Bên có liên quan có giá trị ít nhất bằng 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tham gia Giao dịch với Bên có liên quan, cần có sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông với ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp chấp thuận.
- (b) Đối với Giao dịch với Bên có liên quan có giá trị nhỏ hơn 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của Công ty với thời điểm tiến hành Giao dịch với Bên có liên quan, cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị.
- (c) Tất cả các Giao dịch với Bên có liên quan phải dựa trên cơ sở giao dịch khách quan cùng có lợi, trừ trường hợp được tất cả các Cổ đông trong Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn.
- (d) Trong trường hợp cần thiết, Đại Hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị có thể mời một tổ chức tư vấn độc lập đánh giá để đảm bảo Hợp đồng là công bằng và hợp lý trên mọi phương diện vào thời điểm giao dịch.

44.2 Quyền biểu quyết của các bên có quyền lợi liên quan

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có quan hệ với hoặc một cách nào đó có lợi ích từ việc tham gia vào Giao dịch với Bên có liên quan, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch với Bên có liên quan này tại Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc cuộc họp Hội đồng Quản trị.



Điều 45. Nghĩa Vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý và Kiểm soát viên

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý và Kiểm soát viên phải:

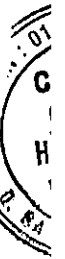
- 45.1 Thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn, cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- 45.2 Không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- 45.3 Nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác đến hạn phải trả, họ phải:
 - (a) Thông báo tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết hoặc theo yêu cầu của Pháp luật;
 - (b) Không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các Cán bộ Quản lý hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty;
 - (c) Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và
 - (d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 46. Trách Nhiệm Về Thiệt Hại và Bồi Thường

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của Điều 42, Điều 43, Điều 44 và Điều 45 Điều lệ này mà gây thiệt hại cho Công ty thì phải bồi thường và/hoặc thực hiện các nghĩa vụ khác để khắc phục thiệt hại do hành vi không tuân thủ của mình gây ra cho Công ty trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép. Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà người đó nhận được từ Giao dịch với Bên có liên quan tương ứng.

Điều 47. Miễn Trừ Trách Nhiệm Cá Nhân

Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên hoặc Cán bộ Quản lý nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, vô tư nhân danh Công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị và tuân thủ Pháp luật.



X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Kiểm Soát Viên

- 48.1 Ban Kiểm soát sẽ có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
- 48.2 Ban Kiểm soát phải có ít nhất 1/2 (một nửa) số thành viên là chuyên trách. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 48.3 Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc nêu tại Điều 27.1(b) và 27.1(c) Điều lệ. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử.
- 48.4 Kiểm soát viên sẽ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được Đại hội đồng Cổ đông bầu lại. Khi bầu các thành viên Kiểm soát viên, Công ty phải thực hiện theo cơ cấu có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên cũ được bầu lại và có ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên được bầu mới.
- 48.5 Kiểm soát viên không phải là Người có liên quan của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty. Đồng thời, Kiểm soát viên không được là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty, Cán bộ quản lý khác, và không phải là thành viên hay nhân viên của Tổ chức kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty hoặc bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép nắm giữ cương vị này. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- (a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;
 - (b) Thành viên đó không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (c) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - (d) Thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - (e) Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Khi đó, Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị tạm thời bổ nhiệm người khác thay thế, thành viên mới phải được Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập ngay sau đó chấp thuận. Ngay khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

- 48.6 Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban Kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban Kiểm soát mới thay thế.
- 48.7 Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- (a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
 - (b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan để báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - (c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng Cổ đông.
- 48.8 Mức thù lao cho các Kiểm soát viên sẽ do Hội đồng Quản trị đề xuất, Đại hội đồng Cổ đông quyết định nhưng không vượt quá mức thù lao cho Thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng Quản trị đề nghị định mức chi phí đi lại, ăn, ở... cho các Kiểm soát viên và trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định.
- 48.9 Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (quy chế cần nêu rõ quyền hạn, chức năng nhiệm vụ cụ thể, chế độ làm việc, hội họp, báo cáo v.v...); khi cần thiết Ban Kiểm soát có thể yêu cầu Hội đồng Quản trị cho phép trưng dụng một số nhân viên của Công ty làm nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát trong một thời gian nhất định.

Điều 49. Nhiệm Vụ và Quyền Hạn Của Ban Kiểm Soát

- 49.1 Ban Kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát tất cả các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty. Ban Kiểm soát sẽ hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và các Cán bộ Quản lý và sẽ báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông.
- 49.2 Ban Kiểm soát sẽ có các quyền hạn và trách nhiệm được quy định theo Pháp luật và theo Điều lệ này hoặc, trong một số trường hợp, theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vào từng thời điểm. Ngoài những quy định trên, Ban Kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- (a) Kiểm tra (1) sự tuân thủ của Hội đồng Quản trị theo Pháp luật, theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, (2) sự tuân thủ của các Cán bộ Quản lý theo Pháp luật và theo các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và/hoặc của Hội đồng Quản trị, và (3) hiệu quả quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Hội đồng Quản trị và các Cán bộ Quản lý;
 - (b) Đảm bảo quy trình bầu cử Hội đồng Quản trị được minh bạch và đúng thủ tục;

- (c) Điều tra công tác quản lý và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của nhóm các Cổ đông nắm giữ tổng cộng 10% (mười phần trăm) Cổ phần Phổ thông của Công ty;
- (d) Thẩm tra tính chính xác và hợp pháp của công tác kế toán, bao gồm việc soạn thảo các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính;
- (e) Thẩm định các Báo cáo Tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;
- (f) Giám sát các khoản chi đầu tư, mua sắm hoặc rút vốn đầu tư quan trọng; xem xét các khoản chi phí và chi tiêu cho hoặc phát sinh liên quan đến Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị, và các Cán bộ Quản lý;
- (g) Giám sát những xung đột quyền lợi tiềm ẩn của các Thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý và các Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên, kể cả việc sử dụng sai tài sản Công ty hoặc lạm dụng quyền hạn trong các Giao dịch với Bên có liên quan;
- (h) Giám sát tính hiệu quả của cơ chế kiểm soát nội bộ mà Công ty áp dụng và kiến nghị những thay đổi cần thiết;
- (i) Giám sát quy trình công bố và trao đổi thông tin;
- (j) Yêu cầu Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty cung cấp đúng hạn và đầy đủ các thông tin liên quan đến Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý và hoạt động của Công ty;
- (k) Thông báo cho Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động của Công ty;
- (l) Đề xuất những điều chỉnh, thay đổi và cải tiến cần thiết trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý và trong hoạt động của Công ty;
- (m) Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập (nếu có), mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hợp tác hoặc sự rút lui của Công ty kiểm toán độc lập;
- (n) Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- (o) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc thuê tư vấn pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
- (p) Xem xét báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;

35
T
A
N
H
O
J
E
H

- (q) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- (r) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

- 49.3 Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 49.4 Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 02 (hai) người. Các quyết định của Ban Kiểm soát được đưa ra trên cơ sở được sự chấp thuận của đa số (1/2) số Thành viên của Ban Kiểm soát. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt). Tuy nhiên thành viên nào không đồng ý với quyết định của các thành viên khác có quyền bảo lưu ý kiến của mình và trình ý kiến của mình lên Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị trong phiên họp gần nhất của các cơ quan này để các cơ quan này xem xét và quyết định.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền Điều Tra Sổ Sách và Hồ Sơ

- 50.1 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng đều có quyền trực tiếp hoặc thông qua Luật sư hoặc người được ủy quyền hợp pháp, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra, trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, về danh sách các Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và các báo cáo của Ban Kiểm soát và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Cách thức kiểm tra, sao chụp sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
- 50.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý có quyền kiểm tra Sổ Đăng ký Cổ đông, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 50.3 Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh vận chuyển Hàng không và các giấy tờ pháp lý khác, các quy chế hoạt động, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản kê cả sở hữu trí tuệ, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 50.4 Mọi Cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 51. Người Lao Động

- 51.1 Hàng năm, Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch về tuyển dụng lao động, cho thôi việc, đào tạo, nâng bậc, mua bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động. Tổng Giám đốc phải thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động như: chế độ nghỉ phép, chế độ khen thưởng được phân phối từ quỹ phúc lợi (nếu có) đối với Người lao động để trình Hội đồng Quản trị thông qua và tổ chức thực hiện.
- 51.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng Quy chế nhân viên, Quy chế tiền lương, đảm bảo công bằng, khuyến khích người lao động trong Công ty;
- 51.3 Hội đồng Quản trị hàng năm phê duyệt tổng quỹ lương của Công ty. Căn cứ vào tổng quỹ lương, và trong khuôn khổ quy chế lương, Tổng Giám đốc thông qua quyết định phương án trả lương và có quyền thuê lao động theo nhu cầu của Công ty. Công ty cần có kế hoạch tuyển dụng và đào tạo Người lao động.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 52. Cổ Tức

52.1 Công bố việc chi trả cổ tức

- (a) Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Công ty có thể công bố chi trả cổ tức với điều kiện (i) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức Hội đồng Quản trị đề nghị, (ii) mức cổ tức chi trả không được vượt quá mức lợi nhuận của Công ty được ghi rõ trong Báo cáo Tài chính, (iii) Công ty đã hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các năm trước đó, (iv) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, và (v) Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ sau khi đã công bố và chi trả cổ tức.
- (b) Hàng năm, Đại hội đồng Cổ đông quyết định trả cổ tức. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ tùy theo tình hình tài chính và điều kiện kinh doanh dự báo kết quả và các yếu tố mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp.
- (c) Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng Đồng Việt Nam hoặc bằng Cổ phiếu. Căn cứ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức.
- (d) Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty hoặc bằng séc hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông chi trả cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức.

- (e) Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.
- (f) Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác như việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.
- (g) Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (bao gồm cả cổ phiếu, trái phiếu do Công ty hoặc công ty khác phát hành v.v...) nếu được Cổ đông có cổ tức chấp thuận.
- (h) Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu của các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- (i) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến Cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký Cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Việc thông báo trả cổ tức có thể được thông báo bằng phương thức khác đảm bảo Cổ đông nhận được đầy đủ thông tin về việc trả cổ tức không muộn hơn 15 (mười lăm) ngày trước ngày trả cổ tức.

52.2 Không tính lãi đối với cổ tức chưa thanh toán

Công ty không phải trả tiền lãi đối với các cổ tức chưa thanh toán.

52.3 Cổ tức không yêu cầu thanh toán

Tất cả các cổ tức không được yêu cầu thanh toán có thể được tái đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được yêu cầu thanh toán. Ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị quyết định khác đi, cổ tức không được yêu cầu thanh toán trong 06 (sáu) năm kể từ ngày đến hạn thanh toán sẽ bị tước quyền yêu cầu thanh toán và trở thành tài sản của Công ty.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 53. Tài Khoản Ngân Hàng

Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền Đồng (VND) hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vãng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, tại một ngân hàng nước ngoài hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Điều 54. Trích lập các Quỹ

- 54.1 Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình vào các quỹ sau với mức cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định theo từng năm:
- (a) Quỹ dự trữ tài chính;
 - (b) Quỹ đầu tư phát triển;
 - (c) Quỹ phúc lợi và khen thưởng;
 - (d) Trích quỹ trợ cấp mất việc làm;
 - (e) Quỹ khoa học công nghệ; và
 - (f) Các quỹ khác do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của Pháp luật.
- 54.2 Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định cho từng năm.
- 54.3 Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định giải quyết việc thua lỗ theo các giải pháp sau:
- (a) Trích từ quỹ dự trữ tài chính để bù lỗ;
 - (b) Chuyển một phần lỗ sang năm sau. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục;
 - (c) Các biện pháp khác mà Pháp luật cho phép hoặc không cấm.

Điều 55. Năm Tài Chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 56. Chế Độ Kế Toán

Sổ tài khoản kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Chế độ Kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) và/hoặc bất kỳ Chế độ Kế toán khác được Pháp luật cho phép và Hội đồng Quản trị thông qua.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 57. Tài Khoản và Chứng Từ

- 57.1 Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng. Tất cả các chứng từ kế toán, hoá đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính phải được Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, hoặc Giám đốc Tài chính, Giám đốc Kiểm soát Tài chính phê chuẩn và ký tên theo phân định về thẩm quyền. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc cũng có thể yêu cầu Kế toán trưởng lập các báo cáo quản trị, báo cáo quản lý nội bộ bằng đồng Đô la Mỹ để phục vụ cho công tác quản lý.
- 57.2 Trong ba tháng đầu tiên của mỗi năm tài chính, Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm cho năm tài chính trước đó, bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty, bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính để lưu giữ và trình lên Đại hội đồng Cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đồng ý (“Báo cáo Tài chính”).
- 57.3 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, hoặc trong thời hạn mà Luật pháp quy định, kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải gửi Báo cáo Tài chính đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua cho cơ quan thuế, Cơ quan Đăng ký Kinh doanh, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và các Cơ quan Nhà nước khác mà Luật pháp yêu cầu.
- 57.4 Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo các báo cáo tài chính chưa tổng hợp bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng kết quả hoạt động kinh doanh, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Các báo cáo này phải được cung cấp cho Hội đồng Quản trị trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc của mỗi quý tài chính.
- 57.5 Trong trường hợp Hội đồng Quản trị yêu cầu, Công ty vào từng thời điểm sẽ tự mình hay thuê một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá lại tài sản của Công ty để làm căn cứ cho việc xác định giá trị cổ phiếu, giá trị các tài sản của Công ty hay phục vụ các mục đích khác do Hội đồng Quản trị đề ra.
- 57.6 Công ty phải lập các báo cáo theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch

chứng khoán. Các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

- 57.7 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng Quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 58. Công Bố Thông Tin và Thông Báo Ra Công Chúng

Việc công bố thông tin thực hiện theo Quy chế công bố thông tin do Hội đồng Quản trị ban hành theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 59. Kiểm Toán Công Ty

- 59.1 Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định thuê một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Đại hội đồng Cổ đông cũng có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập.
- 59.2 Tổ chức kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo Tài chính hàng năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo kiểm toán đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng hai (02) tháng hoặc được gia hạn trong một thời gian phù hợp theo quy định của pháp luật kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 59.3 Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
- 59.4 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng Cổ đông mà mọi Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
- 59.5 Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp kiểm toán viên để thảo luận về các Báo cáo Tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.
- 59.6 Mỗi Cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số Cổ phần có quyền chọn thuê kiểm toán viên để kiểm toán các báo cáo tài chính chưa tổng hợp và/hoặc các Báo cáo Tài chính tổng hợp của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào và với chi phí do Cổ đông đó tự chi trả.

XVII. CON DẤU

Công ty chịu trách nhiệm quản lý con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu theo đúng quy định của Pháp luật.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 60. Chấm Dứt Hoạt Động

Phụ thuộc vào quy định cụ thể của Pháp luật theo từng thời điểm, Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- 60.1 Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật;
- 60.2 Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- 60.3 Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng Cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến Cơ quan Nhà nước để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 61. Trường Hợp Bất Đồng Giữa Các Thành Viên Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông

Trong phạm vi Pháp luật cho phép, các Cổ đông nắm giữ 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền đệ đơn tới Tòa án để yêu cầu giải thể Công ty khi xảy ra một hay một số các trường hợp sau:

- 61.1 Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất được trong việc quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt số phiếu biểu quyết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.
- 61.2 Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
- 61.3 Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 62. Thay đổi Thời hạn Hoạt Động

Thời hạn hoạt động của Công ty là không giới hạn theo quy định của Điều 2.6 của Điều lệ này. Trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông biểu quyết về việc thay đổi thời hạn hoạt động theo thời hạn mới mà Hội đồng Quản trị đề xuất.

Điều 63. Giải thể

- 63.1 Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ phải thành lập Ban Giải thể gồm 06 (sáu) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Tổ chức kiểm toán độc lập. Ban Giải thể có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến việc giải thể sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 63.2 Ban Giải thể có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan Đăng ký Kinh doanh về ngày được thành lập và bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Giải thể sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản của Công ty trước Tòa án và các Cơ quan Nhà nước.

63.3 Tiền thu được từ việc giải thể sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- (a) Các chi phí giải thể;
- (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên;
- (c) Thuế và các khoản nộp có tính chất như thuế mà Công ty phải nộp cho Nhà nước;
- (d) Các khoản vay (nếu có); và
- (e) Các khoản nợ khác của Công ty.

63.4 Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ tại Khoản 63.3 Điều này sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 64. Giải Quyết Tranh Chấp Nội Bộ

- 64.1 Tranh chấp (i) giữa (các) Cổ đông với Công ty, (ii) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, (iii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng Quản trị, (iv) giữa (các) Cổ đông với (các) Cán bộ Quản lý, hoặc (v) giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thương lượng và hòa giải. Đối với những tranh chấp không liên quan đến Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu Tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thì hai bên chỉ định một người thứ ba hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết Tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.
- 64.2 Nếu tranh chấp không được giải quyết trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu hòa giải và/hoặc quyết định của bên trung gian hòa giải không được các bên chấp thuận thì bất cứ một bên nào cũng có thể đưa Tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết.
- 64.3 Mỗi bên tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải. Chi phí, lệ phí tòa án của các bên sẽ do Tòa án phán quyết.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 65. Bổ Sung và Sửa Đổi Điều Lệ

Điều lệ chỉ có thể bổ sung, sửa đổi khi Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

XXI. QUY ĐỊNH BẢO MẬT

Điều 66. Định Nghĩa Thông Tin Mật

Theo mục đích của Điều này, Thông tin Mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các Kiểm soát viên, các Cán bộ Quản lý, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ Người thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:

- 66.1 Điều lệ này, Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Sổ Đăng ký Cổ đông và Sổ Biên bản và bất kỳ một văn bản chấp thuận nào của Nhà Nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hàng hoá (nếu có);
- 66.2 Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;
- 66.3 Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
- 66.4 Báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;
- 66.5 Sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính hàng năm và các tài liệu kế toán khác;
- 66.6 Thông tin về Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông hoặc quan hệ sở hữu Cổ phần qua lại hoặc các bảo đảm qua lại giữa các Cổ đông; bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;
- 66.7 Thông tin về các thành viên Hội đồng Quản trị, Cán bộ Quản lý, Kiểm soát viên bao gồm năng lực, kinh nghiệm và mức thù lao;
- 66.8 Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty; các kết quả, báo cáo thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; và
- 66.9 Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro về giá nhiên liệu, rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các giao dịch phái sinh và giao dịch ngoại bảng.

Điều 67. Tiết Lộ Thông Tin Mật

Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng Quản trị, không một ai trong số các thành viên Hội đồng Quản trị, các Cán bộ Quản lý, Kiểm soát viên, các Cổ đông hoặc bất kỳ Người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các Thông tin Mật của Công ty, ngoại trừ:

- 67.1 Với các Công ty con của Công ty (nếu có); hoặc
- 67.2 Với các Cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quyết định khác của Đại hội đồng Cổ đông; hoặc
- 67.3 Với các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình một cách hợp lý và khi các nghĩa vụ này có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng đối với mỗi trường hợp như vậy đều phải có điều khoản yêu cầu người nhận những Thông tin Mật phải bảo mật các thông tin đó và không được tiết lộ chúng với bất kỳ Người nào khác; hoặc
- 67.4 Khi được yêu cầu phải cung cấp cho các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền được Pháp luật cho phép yêu cầu tiết lộ những thông tin này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của trọng tài hoặc của Tòa án trong các vụ kiện, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu; hoặc
- 67.5 Những thông tin được phổ biến rộng rãi ra công chúng nhưng không bởi hành vi vi phạm các quy định của Điều này, hoặc những thông tin thường sẽ được công chúng biết đến trong tiến trình kinh doanh, ví dụ như thông tin phục vụ cho bán hàng và quảng cáo.

XXII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 68. Pháp Luật Ban Hành Sau

Nếu có bất kỳ quy định Pháp luật nào thuận lợi hơn cho Công ty ban hành sau ngày Điều lệ này có hiệu lực thì quy định đó được áp dụng như thể chúng đã được quy định tại Điều lệ và được ưu tiên áp dụng.

Điều 69. Các Điều Khoản Không Hợp Pháp, Không Hiệu Lực, Không Có Khả Năng Thực Thi

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết (một cách chính thức) rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 70. Văn Bản Chấp Thuận của Cơ quan Nhà Nước

Mọi quy định về nghĩa vụ xin cấp văn bản chấp thuận từ Cơ quan Nhà Nước nào được nêu trong Điều lệ này, dù được quy định một cách rõ ràng hoặc một cách ngụ ý, chỉ có hiệu lực khi văn bản chấp thuận của Cơ quan Nhà Nước này là bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

Điều 71. Tính Tích Lũy và Không Loại Trừ Của Các Quyền

Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp chế tài trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp chế tài nào do Pháp luật quy định.

Điều 72. Thông Báo

- 72.1 Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng điện tín, hoặc bằng fax (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.
- 72.2 Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau 08 (tám) ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư và hai ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng điện tín, fax hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.
- 72.3 Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký Cổ đông và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.
- 72.4 Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông và sẽ kịp thời điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.

XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 73. Ngày Hiệu Lực

Bản Điều lệ này sẽ có hiệu lực từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Bất kỳ Cổ đông mới nào tham gia góp vốn vào Công ty sau này và các Cán bộ Quản lý của Công ty đều phải chịu sự ràng buộc của các điều khoản trong Điều lệ này một cách vô điều kiện và không hủy ngang.

Bản Điều lệ này được lập thành 03 (ba) bản có giá trị ngang nhau.

Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET



NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

PHỤ LỤC I ĐỊNH NGHĨA

Ban Kiểm soát nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật.

Báo cáo Tài chính được định nghĩa như tại Khoản 57.2 Điều lệ.

Bằng văn bản có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết.

Cán bộ Quản lý có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các Giám đốc, Trưởng phòng, Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty.

Công ty có nghĩa là Công ty Cổ phần Hàng Không VietJet được thành lập và hoạt động theo Điều lệ này.

Công ty con có nghĩa là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) Vốn Điều lệ hoặc tổng số Cổ phần Phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.

Cổ đông có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất 01 (một) Cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này.

Cổ đông lớn nghĩa là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Cổ phần được quyền chào bán nghĩa là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng Cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm.

Cổ phần Phổ thông có nghĩa là cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này.

Cổ phần Ưu đãi có nghĩa là Cổ phần Ưu đãi Biểu quyết, Cổ phần Ưu đãi Cổ tức, Cổ phần Ưu đãi Hoàn lại hay các Cổ phần Ưu đãi khác do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này.

Cổ phiếu có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo như quy định của 0 của Điều lệ này để làm bằng chứng quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số các Cổ phần đó.

Cơ quan Đăng ký Kinh doanh có nghĩa là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội hoặc tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Cơ quan Nhà Nước có nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc Hội nước Việt Nam, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Việt Nam, Chủ Tịch Nước, Chính Phủ, Thủ Tướng, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, các Ủy Ban Nhân Dân hoặc bất kỳ các Cơ quan,

các Sở trực thuộc và bất kỳ hoặc tất cả các Ủy ban, Bộ trưởng, Hội đồng, Sở ban ngành, Cơ quan hoặc Viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường nghĩa là cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông khác ngoài Cuộc Họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên, được triệu tập theo quy định của Điều 20.3 của Điều lệ này.

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên nghĩa là các cuộc họp hàng năm của Đại hội đồng Cổ đông theo Điều 20.1 của Điều lệ này.

Đại hội đồng Cổ đông nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật.

Điều lệ nghĩa là bản Điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm.

Giao dịch với Bên có liên quan có nghĩa là giao dịch, hợp đồng giữa Công ty và các chủ thể theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan Đăng ký Kinh doanh cấp khi Công ty được đăng ký thành lập và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm.

HOSE có nghĩa là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty được Đại hội đồng cổ đông bầu và có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Kiểm soát viên nghĩa là kiểm soát viên của Công ty, được quy định cụ thể tại Điều 46 của Điều lệ này.

Luật Doanh nghiệp 2014 nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

Năm có nghĩa là năm dương lịch (để phân biệt với năm tài chính và những khái niệm thời gian khác).

Ngày thành lập nghĩa là ngày 23/07/2007, ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu.

Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo như quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào, Cán bộ Quản lý, Kiểm soát viên, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty.

Người Có Liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:

1. Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - (b) Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - (c) Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - (d) Người quản lý doanh nghiệp;
 - (đ) Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - (e) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;
 - (g) Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - (h) Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
2. Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
 - (b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
 - (c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
 - (d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - (đ) Công ty mẹ, công ty con;
 - (e) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

Pháp luật nghĩa là Luật Doanh nghiệp 2014 và tất cả các Luật, Nghị định, Quyết định, Thông tư, Quy định và các văn bản có hiệu lực pháp lý khác do bất kỳ một Cơ quan Nhà Nước nào ban hành

(các văn bản pháp lý này có thể sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế vào từng thời điểm) và có liên quan đến Công ty.

Sổ Biên bản có nghĩa là sổ lưu trữ tất cả các biên bản của các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và cuộc họp Hội đồng Quản trị.

Sổ Đăng ký Cổ đông có nghĩa là sổ do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Khoản 8.9 của Điều lệ này.

Sự Chấp thuận của Cơ quan Nhà Nước có nghĩa là mọi sự chấp thuận, giấy phép, giấy đăng ký, hoặc các văn bản phê chuẩn khác trong phạm vi quyền hạn của các Cơ quan Nhà Nước mà theo Công ty là cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh doanh và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác được dự kiến bởi Pháp luật hoặc bởi Điều lệ này.

Tháng nghĩa là tháng theo dương lịch.

Thời hạn hoạt động được định nghĩa như tại Điều 2 của Điều lệ này.

Thông tin Mật được định nghĩa như tại Điều 66 của Điều lệ này.

Tranh chấp nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này.

Vốn Điều lệ nghĩa là số vốn được ghi nhận tại Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty được quy định tại Khoản 8.1 của Điều lệ này.

USD có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Việt Nam có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

VND có nghĩa là đồng tiền của Việt Nam.

VSD có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.